

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Dương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
HOÀNG TUẤN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Dương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Dương

Mã SV: 1512401063

Lớp : QT1902K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty
TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Tuấn.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Cơ sở lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC để hiểu rõ công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp hiện nay.
- Tìm hiểu về thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn trong tháng 6 năm 2019 bằng việc mô tả và phân tích để minh chứng cho các lập luận đưa ra. Từ đó, đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn, bài khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, biện pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019 và các chứng từ, sổ sách kế toán trong tháng 6 năm 2019 của Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn,
- Địa chỉ: 129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Tuấn.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 10 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC	2
1.1 Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu	2
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu	2
1.1.2 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.3 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu	3
1.1.4 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu	7
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.....	8
1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	8
1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	12
1.2.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	18
1.3 Tổ chức sổ sách kế toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán Thông tư 133/2016/TT-BTC	20
1.3.1 Hình thức Nhật ký chung.....	20
1.3.2 Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	21
1.3.3 Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	22
1.3.4 Hình thức kế toán máy vi tính.....	24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TM DV HOÀNG TUẤN	26
2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn	26
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	26
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	27
2.1.3 Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty.....	28
2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán và hình thức kế toán của Công ty	29
2.1.4.1 Bộ máy kế toán	29
2.1.4.2 Hình thức kế toán.....	31
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn.....	33
2.2.1 Đặc điểm cơ bản về nguyên vật liệu tại Công ty	33
2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn	36
2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn	55

2.2.4. Kế toán kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn	59
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TM DV HOÀNG TUẤN....	61
3.1 Đánh giá chung về công tác nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn.....	61
3.1.1 Ưu điểm.....	61
3.1.2 Hạn chế	64
3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn.....	66
3.2.1 Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn.....	66
3.2.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn.....	68
KẾT LUẬN.....	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.	9
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ sổ dư.....	10
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	11
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên theo TT 133/ 2016.....	15
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ theo TT 133/2016.....	17
Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20
Sơ đồ 1.7: Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	21
Sơ đồ 1.8: Ghi sổ kế toán NVL theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.....	22
Sơ đồ 1.9: Ghi sổ kế toán NVL theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	23
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	25
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	28
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	29
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	32
Sơ đồ 2.4 Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo PP thẻ song song	37
Sơ đồ 2.5 Trình tự ghi sổ kế toán NVL tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn .	56

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Các chỉ tiêu kinh tế năm 2017 - 2019.....	27
Biểu số 2.1.....	39
Biểu số 2.2.....	40
Biểu số 2.3.....	41
Biểu số 2.4.....	42
Biểu số 2.5.....	43
Biểu số 2.6.....	44
Biểu số 2.9.....	46
Biểu số 2.10.....	47
Biểu số 2.11.....	48
Biểu số 2.12.....	49
Biểu số 2.13.....	50
Biểu số 2.14.....	51
Biểu số 2.15 Sổ chi tiết nguyên vật liệu	52
Biểu số 2.16 - Sổ chi tiết 152	53
Biểu số 2.17 Bảng tổng hợp xuất - nhập - tồn	54
Biểu số 2.18 - Trích sổ Nhật ký chung	57
Biểu số 2.19– Trích Sổ cái TK 152 Tháng 6/2019	58
Biểu số 2.20 Biên bản kiểm kê NVL tồn kho	60
Biểu số 3.1: Sổ danh điểm nguyên vật liệu.....	70
Biểu số 3.3.....	75
Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ	71

LỜI MỞ ĐẦU

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng. Doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu. Hơn nữa, vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng, đủ và kịp thời cho sản xuất đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí vật liệu. Như vậy, có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết từ đó đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ thấp chi phí trong giá thành.

Nhận thức được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nguyên vật liệu và kế toán nguyên vật liệu trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn, em đã đi sâu tìm hiểu về nguyên vật liệu kế toán nguyên vật liệu và đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn”.

Kết cấu của đề tài khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo Thông tư 133//2016/TT-BTC

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn.

Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và viết bài còn nhiều thiếu sót em rất mong được sự chỉ bảo và nhận được sự góp ý từ các thầy cô để bài viết của em có thể hoàn thiện tốt hơn. Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của cô giáo... và ban lãnh đạo tập thể nhân viên Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn đã tạo điều kiện giúp đỡ cho em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC

1.1 Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu

1.1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nó tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm sản xuất ra. Nguyên vật liệu là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

1.1.1.2 Đặc điểm nguyên vật liệu

- NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định.
- Toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển dịch toàn bộ một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu, bị biến đổi hình thái hoặc tiêu hao hoàn toàn.

1.1.2 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là một tài sản dự trữ sản xuất thường xuyên bị biến động. Để quá trình sản xuất được diễn ra ổn định, liên tục thì yêu cầu công tác quản lý nguyên vật liệu từ các khâu thu mua, sử dụng bảo quản phải được diễn ra một cách chặt chẽ và toàn diện.

- Ở khâu thu mua: Mỗi loại vật liệu có tính chất lý hóa khác nhau, công dụng và tỉ lệ hao hụt khác nhau do đó việc thu mua phải đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu sản xuất về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả hợp lý và đặc biệt quan tâm đến chi phí thu mua thực tế của vật liệu nhằm mục đích hạ thấp chi phí.

- Ở khâu dự trữ: Để đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục không bị ngừng trệ gián đoạn thì doanh nghiệp phải dự trữ vật liệu đúng định mức tối đa tối thiểu cho việc sản xuất diễn ra bình thường không gây ra tình trạng ứ đọng do dự trữ quá nhiều.

- Ở khâu sử dụng: Sử dụng vật liệu đúng định mức đúng chủng loại nhằm phát huy hiệu quả sử dụng và chất lượng sản phẩm. Phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh đúng tình hình xuất dùng, sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Do công tác quản lý nguyên vật liệu có tầm quan trọng như vậy nên việc tăng cường quản lý vật liệu là rất cần thiết. Phải luôn cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế sản xuất.

1.1.3 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu

Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu kế toán quản trị trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Theo yêu cầu quản lý:

+ Nguyên liệu, vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm. Nguyên vật liệu chính bao gồm bán thành phẩm, mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, sản phẩm, hàng hóa.

+ Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường.

+ Nhiên liệu: Cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường

+ Vật tư thay thế: Là loại vật tư được sử dụng để thay thế sửa chữa bảo dưỡng các phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

+ Thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm các vật liệu và thiết bị mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho XD CB, bao gồm các thiết bị cần lắp và không cần lắp, công cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt cho các công trình xây dựng cơ bản.

- Theo nguồn gốc của vật liệu:

+ Nguyên vật liệu tự sản xuất gia công chế biến của doanh nghiệp.

+ Nguyên vật liệu mua ngoài.

+ Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh, liên kết.

- Theo mục đích, công dụng của vật liệu:

+ NVL dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

+ NVL dùng cho nhu cầu khác như: Nhượng bán, đem góp vốn liên doanh, đem biếu tặng, dùng trong quản lý, phục vụ nhu cầu xử lý thông tin.

1.1.3.2. Đánh giá nguyên vật liệu

a. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu:

- Nguyên tắc giá gốc: Theo chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Nguyên tắc thận trọng: Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh:

- Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.

- Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.

- Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.

$$\text{Trị giá thực tế của NVL nhập kho} = \text{Trị giá vốn thực tế xuất gia công chế biến} + \text{Các chi phí liên quan đến gia công chế biến}$$

d. Nhập kho NVL được biếu tặng

$$\text{Giá thực tế vật tư được cấp} = \text{Giá ghi trên biên bản bàn giao} + \text{Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiếp nhận vật tư}$$

e. Nhập kho NVL nhận vốn góp liên doanh

$$\text{Giá thực tế NVL nhận vốn góp liên doanh} = \text{Giá đánh giá của hội đồng} + \text{Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiếp nhận}$$

f. Đối với phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì giá thực tế được tính theo giá đánh giá thực tế hoặc theo giá bán trên thị trường.

*** Đánh giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho**

a. Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp này giá trị của từng NVL tính theo giá trị trung bình của từng NVL tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, giá thực tế NVL xuất kho trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Đơn giá bình quân của NVL} \times \text{Số lượng NVL xuất kho}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được tính theo 3 cách sau:

- *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:* Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều, căn cứ vào giá thực tế, tồn đầu kỳ để kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị sản phẩm hàng hóa:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

- *Phương pháp bình quân cuối kỳ trước:* Dựa vào trị giá và số lượng NVL tồn kho cuối kỳ trước, kế toán tính đơn vị bình quân cuối kỳ trước để tính giá xuất kho NVL.

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{Số lượng NVL tồn kho đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}$$

- *Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập*: Theo phương pháp này sau mỗi lần nhập NVL kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng NVL xuất kho để tính giá vật liệu xuất kho.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- *Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)*: Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có ít vật tư, số lần nhập kho không nhiều.

- *Phương pháp giá đích danh*: Theo phương pháp này NVL xuất kho thuộc lô nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô đó để tính, phương pháp này tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế, giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

1.1.4 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu

(1) Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau: Phản ánh chính xác, kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp.

(2) Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng nguyên vật liệu sai mục đích, lãng phí.

(3) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ nguyên vật liệu, phát hiện kịp thời các loại nguyên vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, hạn chế các thiệt hại.

(4) Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về nguyên vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm, thứ vật tư về số lượng và giá trị.

Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp để góp phần tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

Hiện nay, tùy theo đặc điểm của từng doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp: Thẻ song song, Sổ đối chiếu luân chuyển và Sổ số dư.

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

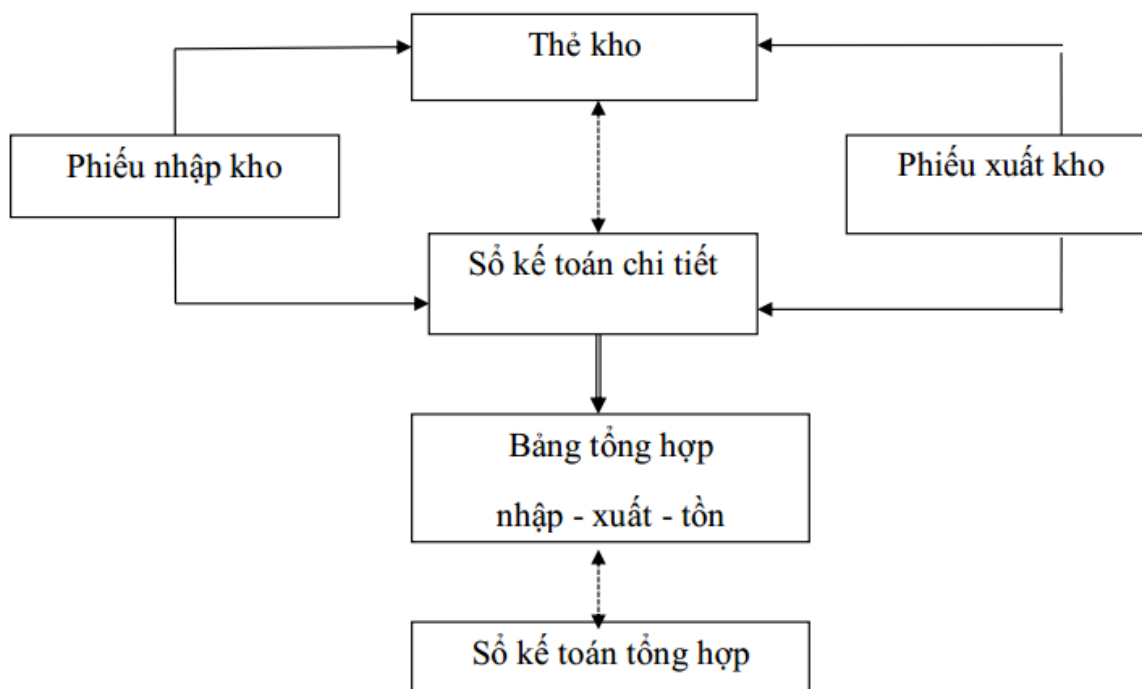
Đặc điểm của phương pháp thẻ song song là sử dụng các sổ chi tiết để theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và giá trị.

Theo phương pháp này để hạch toán các nghiệp vụ nhập – xuất – tồn kho NVL, ở kho phải mở thẻ kho theo dõi về mặt số lượng, ở phòng kế toán mở sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu để theo dõi về mặt số lượng và giá trị.

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập - xuất tồn kho của từng loại vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

- *Tại phòng kế toán:* Kế toán sử dụng thẻ kho để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm theo từng loại NVL tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn về mặt giá trị từng loại NVL.

Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song được trình bày theo sơ đồ sau:



Trong đó:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song

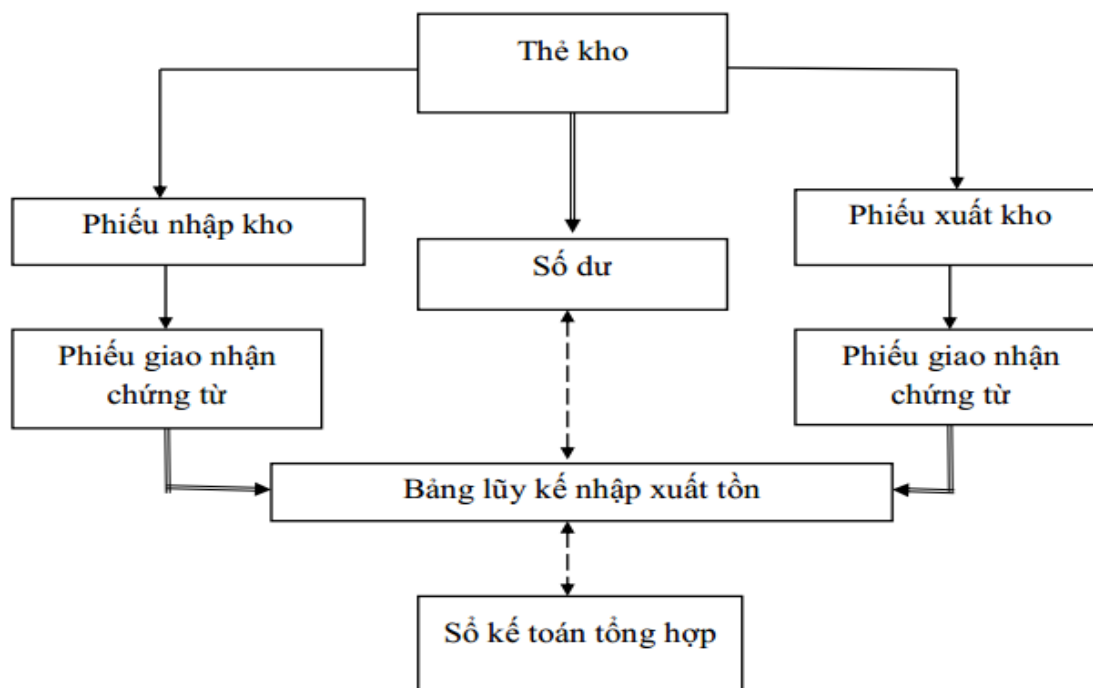
1.2.1.2. Phương pháp sổ số dư

Theo phương pháp này, ở kho theo dõi về mặt số lượng từng loại NVL, còn ở phòng kế toán chỉ theo dõi về mặt số lượng từng loại NVL, cụ thể như sau:

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn NVL về mặt số lượng. Cuối tháng thủ kho tính toán số lượng vật tư còn lại theo từng danh điểm trên thẻ kho vào sổ số dư. Sổ này được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm.

- *Tại phòng kế toán:* Định kỳ, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến, kèm theo phiếu giao nhận chứng từ và dựa vào giá hạch toán để tính giá trị vật liệu nhập - xuất theo từng danh điểm từ đó ghi vào bảng lũy kế nhập - xuất NVL (lập theo từng danh điểm).

Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư được trình bày theo sơ đồ sau:



Trong đó:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư

1.2.1.3. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

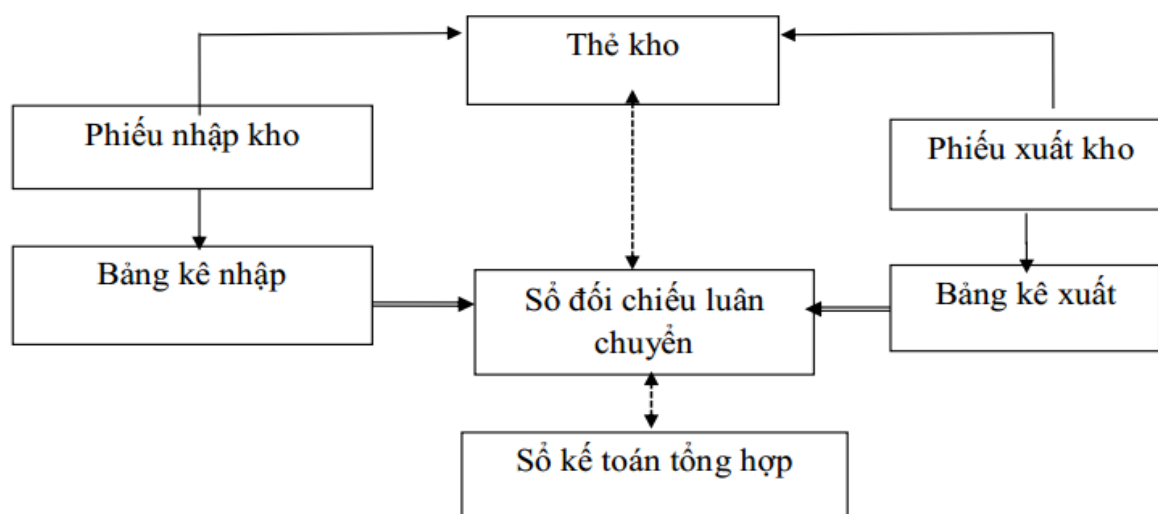
Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển là sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để theo dõi sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và trị

giá. Việc ghi sổ chỉ thực hiện một lần vào cuối tháng và mỗi danh điểm vật liệu được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- *Tại kho:* Thủ kho theo dõi về mặt số lượng, căn cứ vào PNK, P XK thủ kho tiến hành nhập xuất vật tư sau đó ghi vào thẻ kho, mỗi danh điểm vật tư mở một thẻ kho định kỳ, hoặc hàng ngày phải chuyển PNK, P XK cho kế toán vật tư, phải thường xuyên đối chiếu về mặt số liệu giữa thẻ kho với số lượng thực tế trong kho với số liệu kế toán theo dõi trên sổ chi tiết vật tư.

- *Tại phòng kế toán:* Trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập – xuất phát sinh trong tháng của từng loại vật tư, kế toán lập bảng kê nhập vật liệu, xuất vật liệu rồi ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng đối chiếu số lượng trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.

Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được trình bày theo sơ đồ sau:



Trong đó:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, kế toán nguyên vật liệu phải được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ theo chế độ chứng từ kế toán quy định được ban hành theo **Thông tư 133/2016/TT-BTC** ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Các chứng từ về kế toán nguyên vật liệu đã ban hành bao gồm:

- | | |
|--|--------------|
| - Phiếu nhập kho | Mẫu số 01-VT |
| - Phiếu xuất kho | Mẫu số 02-VT |
| - Biên bản kiểm nghiệm vật tư | Mẫu số 03-VT |
| - Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ | Mẫu số 04-VT |
| - Biên bản kiểm kê vật tư | Mẫu số 05-VT |
| - Bảng kê mua hàng | Mẫu số 06-VT |
| - Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ | Mẫu số 07-VT |
| - Các chứng từ khác có liên quan như: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Giấy đề | |

nghị tạm ứng, Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi,...

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Ưu điểm:

+ Xác định, đánh giá về số lượng và trị giá hàng tồn kho vào từng thời điểm xảy ra nghiệp vụ

+ Nắm bắt, quản lý hàng tồn kho thường xuyên, liên tục, góp phần điều chỉnh nhanh chóng kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

+ Giảm tình trạng sai sót trong việc ghi chép và quản lý (giữa thủ kho và kế toán).

Nhược điểm:

+ Tăng khối lượng ghi chép hằng ngày, gây áp lực cho người làm công tác kế toán. Tuy nhiên, nhược điểm này được khắc phục khi doanh nghiệp tin học hoá công tác kế toán.

Tài khoản sử dụng

*TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152: Bên Nợ:

+ Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

+ Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có:

+ Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.

+ Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

+ Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

**TK 151 “Hàng mua đang đi đường”*: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:

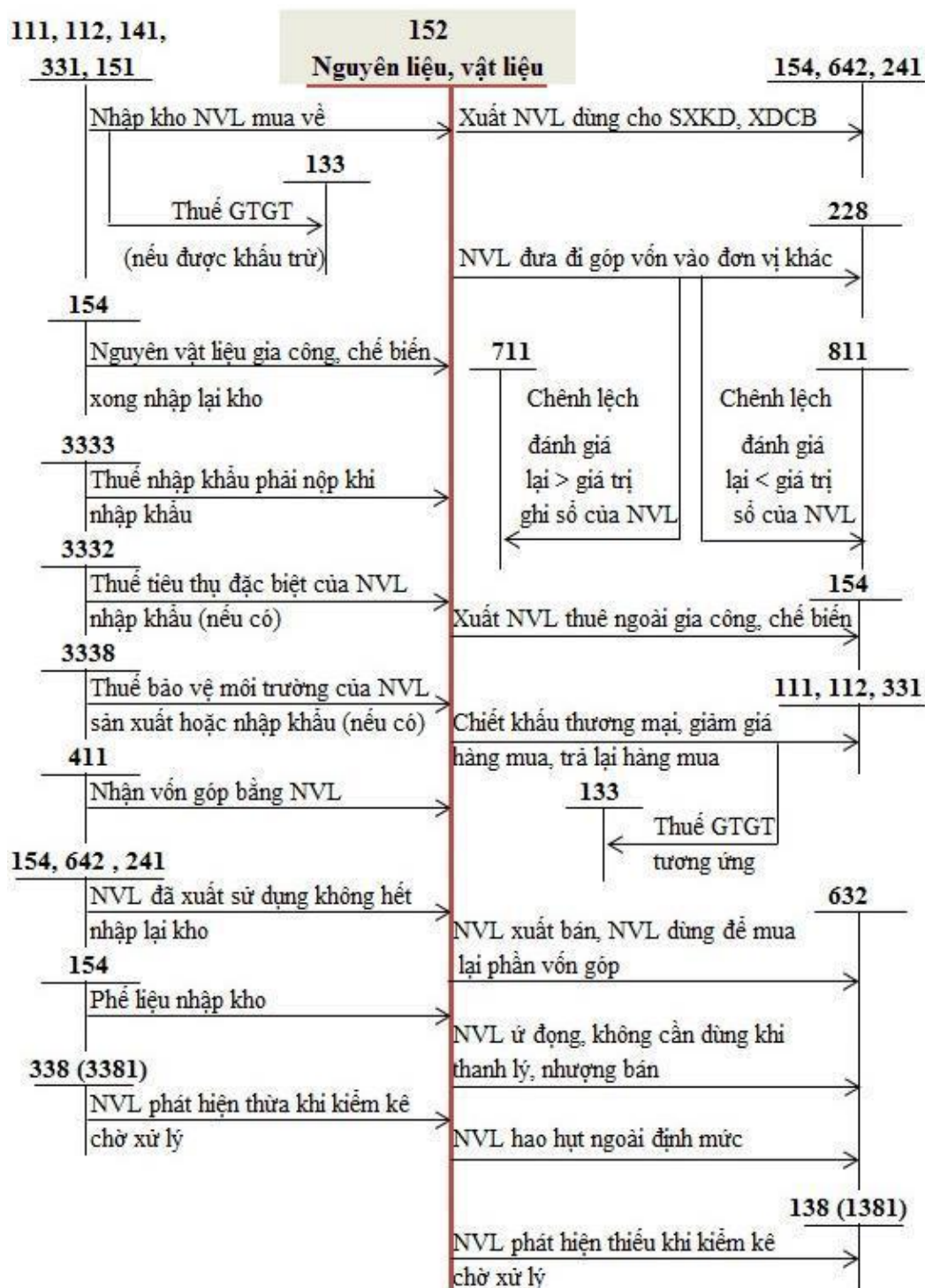
Bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.

Bên Có: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã nhập về kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị)

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như TK 133, TK 331, TK 111, TK 112,...

Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên theo TT 133/ 2016

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế. Từ đó, xác định lượng xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và các mục đích khác trong kỳ theo công thức:

Trị giá hàng xuất kho trong kỳ = Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ + Trị giá hàng nhập kho trong kỳ – Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ.

Ưu điểm: Giảm khối lượng ghi chép cho người làm công tác kế toán.

Nhược điểm:

- + Công việc công tác kế toán dồn vào cuối kỳ.
- + Công việc kiểm tra không thường xuyên trong tình hình nhập, xuất kho là liên tục sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý.
- + Khó phát hiện sai sót nếu khi kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với ghi sổ kế toán..

Tài khoản sử dụng

*TK 611 “Mua hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản

611: Bên Nợ:

- + Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- + Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ; hàng hóa đã bán bị trả lại,...

Bên Có:

- + Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê)

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ).

+ Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ và có hai tài khoản cấp hai:

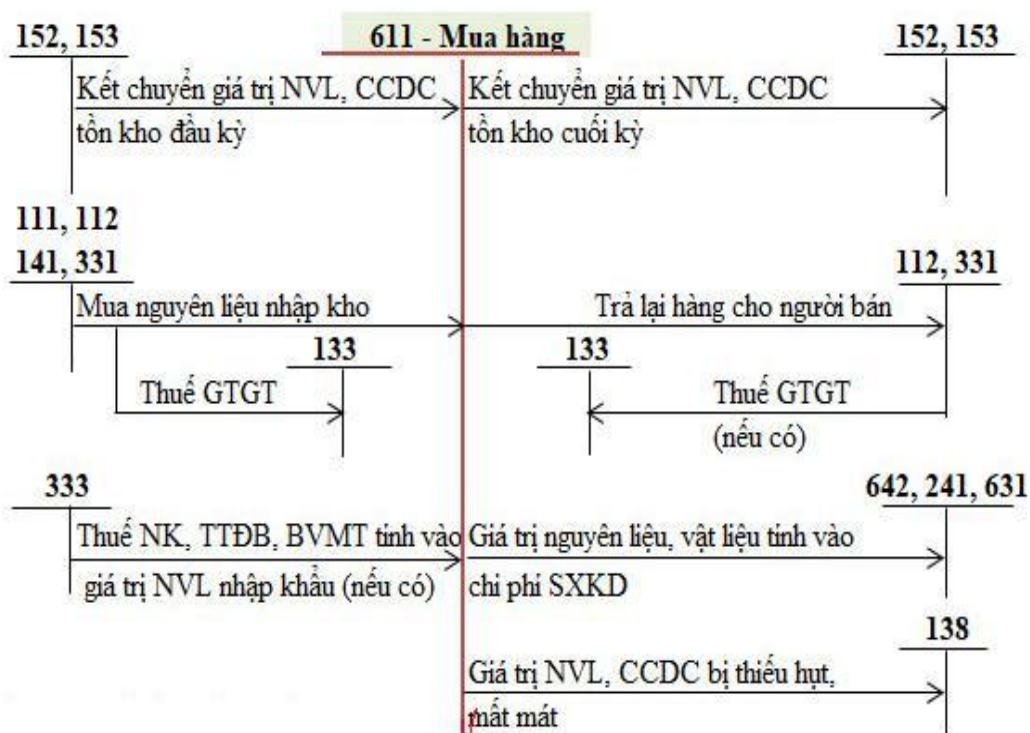
+ TK 6111 “Mua nguyên liệu, vật liệu”

+ TK 6112 “Mua hàng hóa”.

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như TK 133, TK 331, TK 111, TK 112,...

Phương pháp hạch toán

Theo phương pháp này, sự biến động của nguyên vật liệu được tổng hợp thông qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ theo TT 133/2016

1.2.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu môđ, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng hợp lý khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

- Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập ở kỳ báo cáo trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp không phải trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập ở kỳ báo cáo trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp được trích thêm phần chênh lệch vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ.

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập ở kỳ báo cáo trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm giá vốn hàng bán.

- Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Riêng dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá vật tư,} \\ \text{HH} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng VT, HH dự} \\ \text{thực tế tồn kho tại} \\ \text{thời điểm lập BCTC} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{HTK theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \left. \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của HH tồn} \\ \text{kho} \end{array} \right\}$$

□ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản”

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

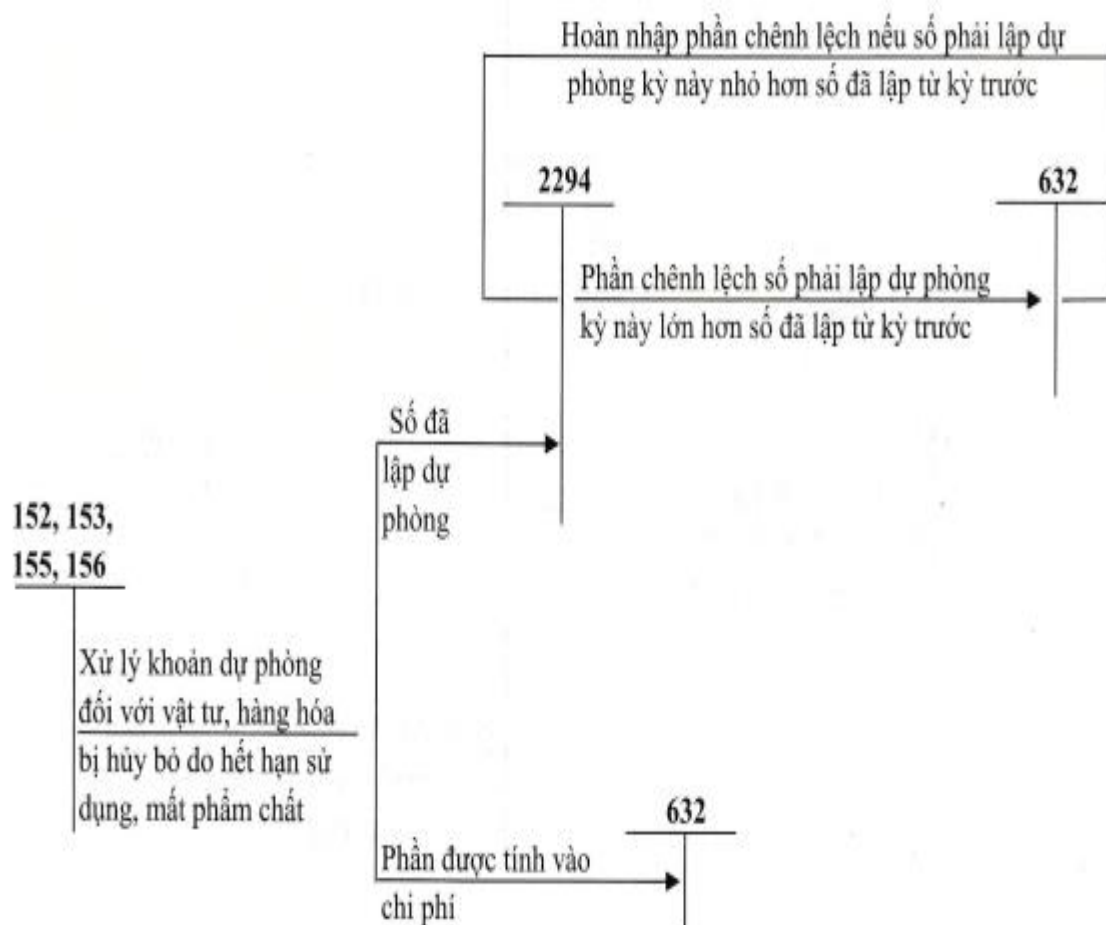
Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh*
- *Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác*
- *Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi*
- *Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

□ *Phương pháp hạch toán*

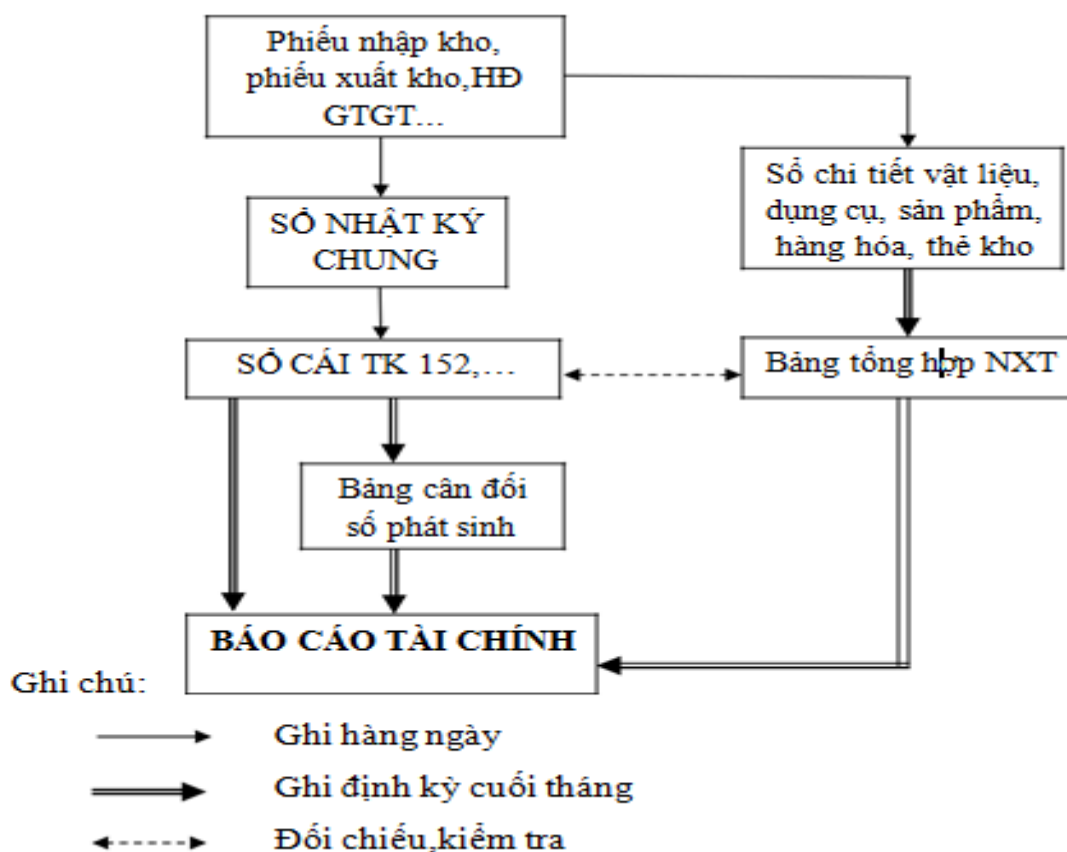


Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.3 Tổ chức sổ sách kế toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán Thông tư 133/2016/TT-BTC

1.3.1 Hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



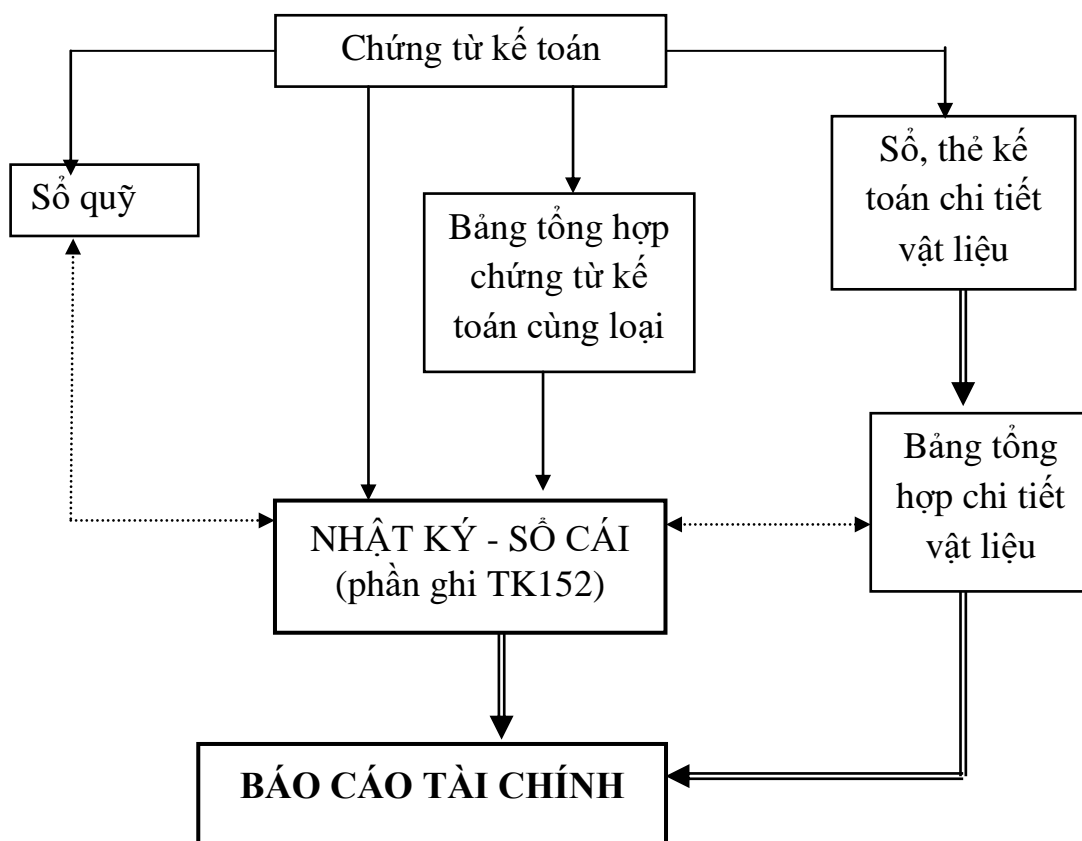
Sơ đồ 1.7: Ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Quy trình ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

1.3.2 Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.



Sơ đồ 1.8: Ghi sổ kế toán NVL theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái
Quy trình ghi sổ:

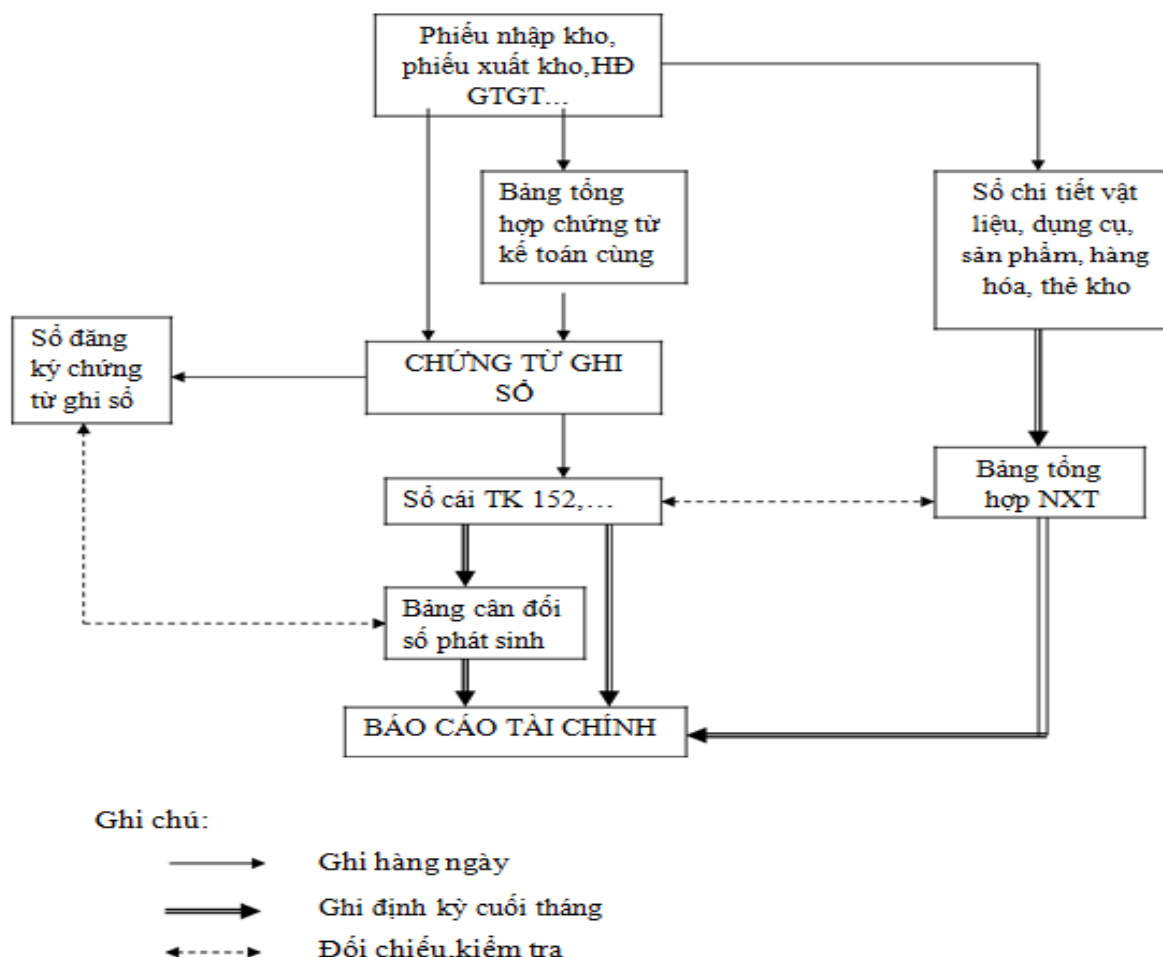
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

1.3.3 Hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng Hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.



Sơ đồ 1.9: Ghi sổ kế toán NVL theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Quy trình ghi sổ:

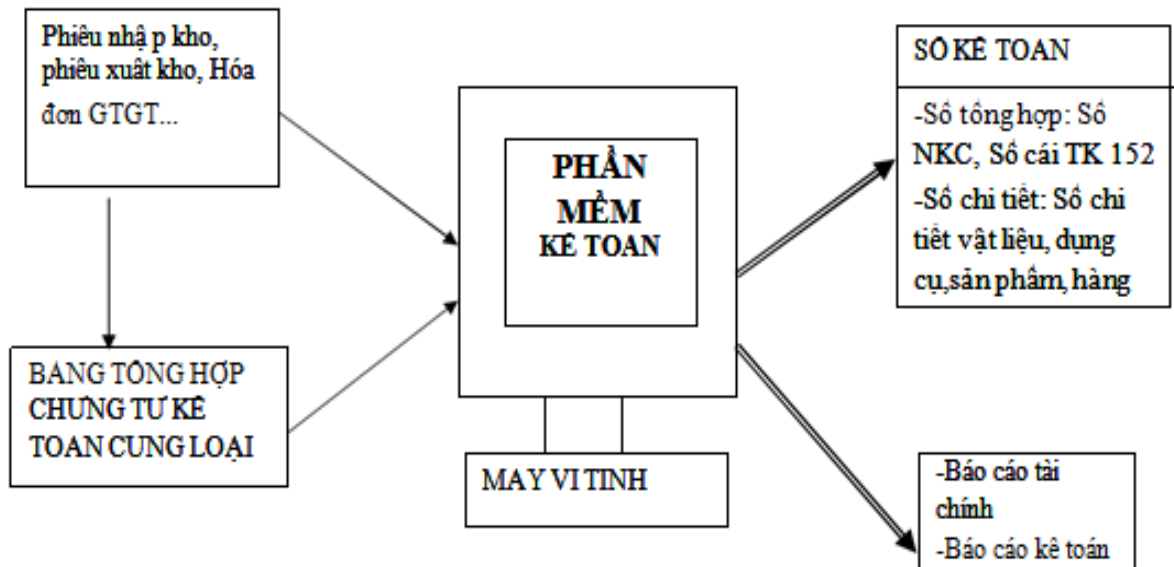
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế

phát sinh trong tháng trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.

1.3.4 Hình thức kế toán máy vi tính

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, hay Chứng từ ghi sổ..) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (Cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.

Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <- - - - ->

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TM DV HOÀNG TUẤN

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn.
- Địa chỉ: Số 129 Lán Bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0914276606.
- Mã số thuế: 0200787419.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn được cấp giấy phép kinh doanh từ ngày 14/02/2008 do Sở kế hoạch đầu tư TP.Hải Phòng. Đến nay Công ty đã hoạt động được 12 năm và đang phát triển rõ rệt qua từng năm.

Những năm gần đây, với nền kinh tế đang phát triển như nước ta, trong thời kỳ mở cửa kinh tế thị trường đa dạng nhiều ngành thì nhu cầu về xây dựng cơ sở hạ tầng là rất lớn và nguyên vật liệu dùng trong xây dựng chiếm vị trí quan trọng. Để đáp ứng nhu cầu xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng,... phục vụ cho xã hội, góp phần phát triển kinh tế nhà nước thì nguyên vật liệu chất lượng để được các công trình kiên cố là điều rất quan trọng.

Hiện nay ngành nghề chính của công ty là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng .

Ngoài ra công ty còn đăng ký một số tên ngành nghề khác:

- Hoàn thiện công trình xây dựng .
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre , nứa) và động vật sống.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).

- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự.

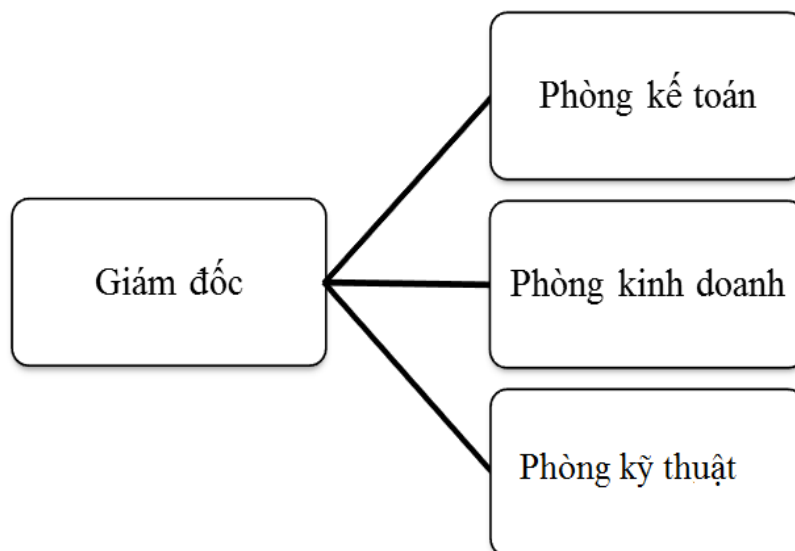
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 2.1. Các chỉ tiêu kinh tế năm 2017 - 2019

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Tổng doanh thu	10.000.315.409	10.569.315.409	10.928.317.879
2. Tổng chi phí	9.125.786.300	10.253.786.300	10.305.160.460
3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	27.947.593	(36.352.744)	50.286.262
4. Số lao động	27	28	30
5. Thu nhập bq/1lđ	4.540.000	5.600.000	6.200.000
6. Nộp ngân sách nhà nước	2.014.241	3.014.214	4.354.201

Trong thời gian tới, công ty đặt ra mục tiêu tạo một mạng lưới khách hàng đông đảo thông qua việc áp dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm giá thành, xây dựng mức giá cạnh tranh. Trong những năm gần đây công ty đã mở các hội nghị khách hàng theo nhóm chủ hàng hoặc gặp trực tiếp các chủ hàng, tìm hiểu nhu cầu của họ và tiếp thu ý kiến phản hồi, ý kiến của khách hàng. Cải thiện các thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp, cắt bỏ các khâu trung gian trong quá trình làm thủ tục nhận hàng, hướng dẫn khách tận tình chu đáo. Tổng doanh thu năm 2019 so với năm 2017 là tăng 40,52%. Nguyên nhân là do: Nhu cầu lưu thông hàng hóa trong nước nhất là các loại hàng hoá vận chuyên từ Bắc vào Nam và ngược lại ngày càng lớn. Tổng lợi nhuận năm 2019 so với năm 2017 tăng 729,53%. , trong những năm qua, quy mô và cơ cấu kinh tế đã có sự thay đổi, nó phụ thuộc vào chiến lược phát triển của công ty và sự tác động của môi trường kinh doanh

2.1.3 Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng:

(1) Giám đốc: Quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mỗi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

(2) Phòng kế toán: Thực hiện công tác hạch toán, kế toán đảm bảo đúng các quy định của Luật kế toán. Tham mưu cho Giám đốc công ty về quản lý tài sản, sử dụng các nguồn vốn: vốn chủ sở hữu, nguồn vốn vay ngân hàng, vốn huy động, vốn liên doanh để sao cho sử dụng nguồn vốn kinh doanh có hiệu quả. Xây dựng quy định về tạm ứng, thanh toán tiền và hoàn thiện chứng từ kế toán: ứng tiền, thanh toán và quyết toán công trình và các hợp đồng kinh tế, bảo lãnh hợp đồng kinh tế, tạm ứng và thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra còn quản lý lưu trữ hồ sơ tài chính, theo dõi, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở đó phát hiện những vấn đề bất cập, đề xuất với Giám đốc để tìm biện pháp giải quyết.

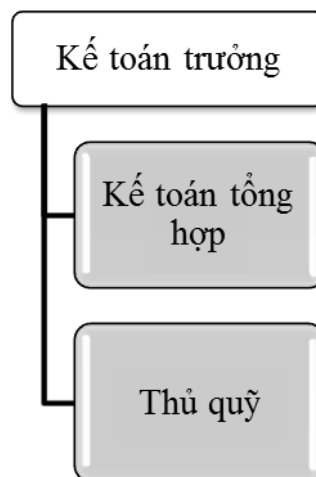
(3) Phòng kinh doanh: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trước, trong và sau khi sản xuất, thiết lập mối quan hệ với các cấp, lập toàn bộ hồ sơ dự toán công trình, định giá và lập phiếu giá thanh toán, làm tham mưu bảo đảm tính pháp lý của mọi hoạt động kinh tế.

(4) Phòng kỹ thuật: Phòng kỹ thuật là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty, có chức năng nhiệm vụ tham mưu giúp việc Giám đốc để triển khai chỉ đạo hướng dẫn kiểm tra giám sát các công trình thi công, lập quyết toán các công trình, hạng mục công trình theo hợp đồng do Công ty giao; tham gia nghiệm thu công tác thực hiện; gồm những thành viên có trình độ về xây dựng, kỹ thuật tiến hành xây dựng công trình theo đúng yêu cầu kỹ thuật đến ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mỗi phòng ban trong công ty đều có chức năng nhiệm vụ riêng biệt nhưng giữa các phòng ban đều có mối quan hệ chặt chẽ dưới sự điều hành của Giám đốc Công ty nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán và hình thức kế toán của Công ty

2.1.4.1 Bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Chức năng, nhiệm vụ:

❖ Kế toán trưởng:

- Chức năng:

+ Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.

+ Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

- Nhiệm vụ:

+ Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán.

+ Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty.

+ Lập Báo cáo tài chính.

- Quyền hạn:

+ Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

+ Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc công ty về việc tuyển dụng, tuyển chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ quỹ.

+ Yêu cầu các bộ phận liên quan trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán.

❖ Kế toán tổng hợp:

- Nhiệm vụ:

+ Nộp tiền thuế với các Môn bài.

+ Thực hiện các bút toán đầu năm tài chính như: kết chuyển lãi lỗ năm tài chính cũ.

+ Hạch toán chi phí thuế môn bài năm tài chính mới.

+ Tiến hành thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công việc của kế toán tổng hợp.

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh là các hoạt động của Doanh nghiệp liên quan đến quá trình kinh doanh của Doanh nghiệp: Có thể là việc mua bán hàng hóa, CCDC, TSCĐ... thực hiện thu tiền/ chi tiền...

❖ Thủ quỹ:

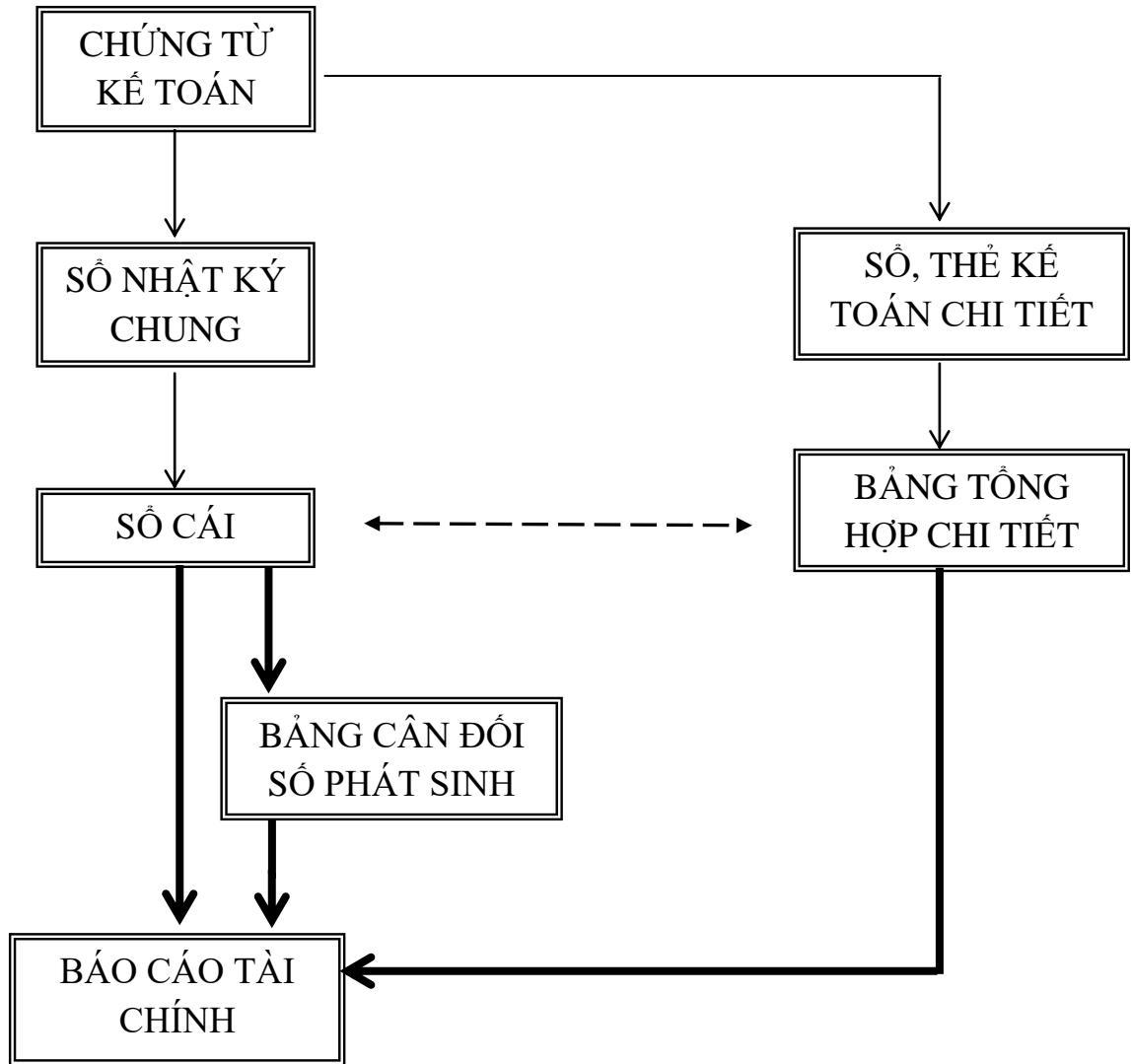
Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi đề xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phản thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi.

Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết.

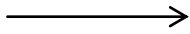
2.1.4.2 Hình thức kế toán

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

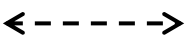
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: nhập trước xuất trước
 - Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
 - Phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho: Thẻ song song
 - Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
 - Hệ thống tài khoản sử dụng: Áp dụng theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.
 - Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” để ghi sổ kế toán. Việc áp dụng phương pháp này mang lại cho công ty những thuận lợi trong công tác kế toán.
 - Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:
 - + Sổ nhật ký chung theo tháng, quý trong năm.
 - + Sổ cái các tài khoản 111,112,...
 - + Các sổ, bảng chi tiết như: Bảng tính lương, bảng kê khai tài sản cố định...
 - Hệ thống báo cáo kế toán sử dụng:
 - + Báo cáo tổng hợp: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - + Báo cáo chi tiết: Báo cáo công nợ.
 - + Báo cáo thuế.



Ghi chú:

Ghi hằng ngày : 

Ghi cuối kỳ : 

Kiểm tra đối chiếu: 

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

2.2.1 Đặc điểm cơ bản về nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.1.1 Đặc điểm công tác quản lý

Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn bắt đầu năm 2008 chủ yếu bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng

Là công ty dịch vụ nên công ty sử dụng tương đối nguyên vật liệu với số lượng lớn và thường xuyên. Chi phí nguyên vật liệu chiếm 60%-70% trong giá thành sản phẩm. Mặt khác, nguyên vật liệu của công ty được nhập kho hoàn toàn là do mua ngoài không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh, vật liệu có tính chất dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết nếu không được bảo quản cẩn thận và dễ bị hao hụt trong quá trình vận chuyển. Chính vì vậy công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả sẽ giúp giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành dịch vụ.

Quản lý vật liệu là khâu quan trọng đầu tiên để đảm bảo cho quá trình sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ về mặt số lượng mà phải quản lý cả về chất lượng nhằm đảm bảo cho nguyên vật liệu không bị biến chất, giảm giá trị sử dụng.

- Khâu thu mua của công ty: công ty có bộ phận chuyên công tác thu mua, vận chuyển.

- Khâu bảo quản dự trữ: hiện nay tình hình quản lý nguyên vật liệu tại công ty đã được chú trọng và quan tâm với cách tổ chức, sắp xếp khá hợp lý.

- Khâu sử dụng: công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành dịch vụ sẽ hạ bớt phần nào.

Công tác quản lý nguyên liệu, vật liệu được thực hiện ở phòng Kỹ thuật, thủ kho và phòng kế toán.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn rất đa dạng và phong phú về chủng loại. Để có thể quản lý một cách chặt chẽ nguyên vật liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán kế toán, nguyên vật liệu được

phân loại dựa trên vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu đối với hoạt động xây lắp. Theo đặc trưng này, nguyên vật liệu được phân ra các loại sau đây:

Vật liệu chính: là vật liệu cấu thành chủ yếu lên hình thái vật chất của sản phẩm xây lắp. Thuộc về vật liệu chính gồm hầu hết các loại vật liệu mà Công ty sử dụng như: sắt thép, xi măng các loại, gỗ, vật liệu ngoài trời (gạch, cát, đá, sỏi,...), vật liệu điện, vật liệu nước,...

Vật kết cấu: là những vật liệu đã qua chế biến, được hình thành từ vật liệu chính của Công ty, bao gồm kết cấu gỗ (khuôn cửa, cửa các loại), kết cấu bê tông (Panel PH các loại, cọc bê tông, ống cống bê tông các loại, cột điện các loại), kết cấu thép, kim loại, kính (cửa sắt các loại, cửa cuốn nhôm, cửa kính các loại).

Nhiên liệu: là những vật liệu dùng để tạo ra nhiệt năng, phục vụ cho các loại xe, máy trong quá trình sản xuất. Nhiên liệu gồm xăng, dầu, mỡ các loại. Thực chất nhiên liệu là một loại vật liệu phụ nhưng được tách ra thành một loại riêng theo quy định chung.

Phụ tùng thay thế: là loại vật tư được sử dụng cho hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định của Công ty, gồm nhiều loại như: xăm lốp ô tô, ghen, đèn,...

Vật liệu khác: thực chất đây là những vật liệu phụ, có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất kinh doanh các công trình, sản phẩm của Công ty. Thuộc về vật liệu phụ gồm các vật liệu như: dây cước xây, dây thừng, dây chảo, dây đay, dây đai các loại, bao tải, bạt,...

Ngoài ra, tại Công ty còn có **Công cụ lao động nhỏ**. Đây là những công cụ được sử dụng thường xuyên cho quá trình thi công các công trình như: mũi khoan, kìm, mỏ lết, ống cao su, thước dây, xô, cuốc, xẻng,...

Như vậy, cách thức phân loại nguyên vật liệu của Công ty mang đặc trưng của ngành xây lắp, có sự khác biệt so với các doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực khác.

2.2.1.3 Tính giá nguyên vật liệu

** Nguyên vật liệu nhập kho*

Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất trong Công ty đều là các nguyên vật liệu mua ngoài, cán bộ phòng vật tư mua về và nhập kho. Công ty tổ chức kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nên giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên HĐ} \\ \text{GTGT (chưa gồm VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{thực tế phát sinh} \end{array}$$

Ví dụ 1 : Ngày 24/6/2019, Công ty nhập kho tôn CT3-6mm của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí, số lượng 8.478 kg, đơn giá 14.909 đ/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán. Hàng được bên bán vận chuyển thẳng tới và giao tại kho Công ty Hoàng Tuấn. Không có phát sinh chi phí thu mua.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế NVL nhập} \\ \text{kho tôn CT3-6mm} \end{array} = 8.478 \times 14.909 = 126.398.502đ$$

* Nguyên vật liệu xuất kho

Tại Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn, nguyên vật liệu được xuất kho theo phương pháp giá nhập trước xuất trước. Theo đó, khi xuất kho lô nguyên vật liệu nào thì tính theo giá nhập kho của lô nguyên vật liệu đó. Việc áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước là phù hợp trong điều kiện Công ty không xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu, thi công công trình đến đâu thì mua nguyên vật liệu đến đó.

Ví dụ 2: Tháng 6/2019, tình hình Tôn CT3-6mm như sau:

Tồn đầu kỳ: 2.880 kg, đơn giá 15.338đ/kg, trị giá 44.173.440đ.

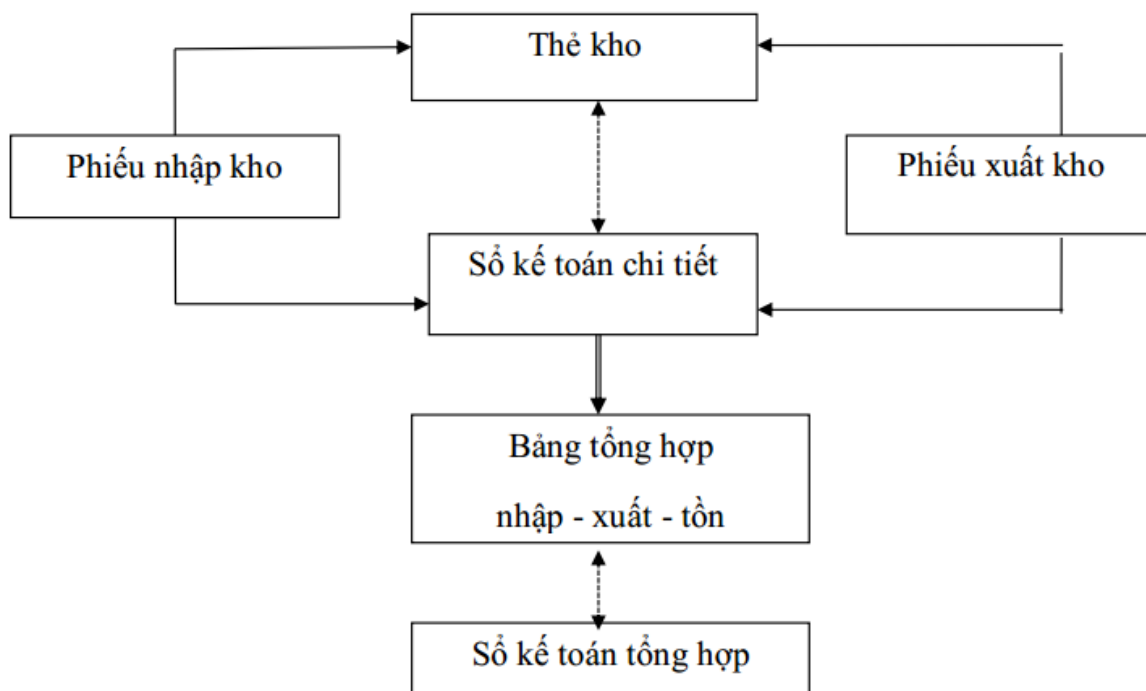
- Ngày 01: Xuất 200 kg tôn cho nhà nghỉ Hoa Mai
- Ngày 14: Xuất 1.950 kg tôn cho Công trình xây nhà Hoàng Hoa
- Ngày 19: Xuất 120 kg tôn cho sửa cho cửa hàng xăng dầu số 1
- Ngày 21: Xuất 350 kg tôn cho ống thông hơi cty Hòa Anh
- Ngày 23: Xuất 260 kg cho təc xăng cty PTS
- Ngày 24: Nhập 8.478kg Tôn CT3-6mm, đơn giá 14.909đ/kg
- Ngày 25: Xuất 547 kg tôn cho công trình nhà Hoài An
- Ngày 26: Xuất 480 kg tôn cho nhà hàng Mai Lan
- Ngày 27: Xuất 1.750 kg Tôn cho thi công cty Đức Thành.

Như vậy, có giá thực tế xuất kho như sau:

Ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01/6	200	15.338	3.067.600
14/6	1.950	15.338	29.909.100
19/6	120	15.338	1.840.560
21/6	350	15.338	5.368.300
23/6	260	15.338	3.987.880
25/6	547	14.909	8.155.223
26/6	480	14.909	7.156.320
27/6	1.750	14.909	26.090.750
Cộng	5.657,0	x	85.575.733,0

2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

Quá trình nhập xuất NVL tại công ty diễn ra thường xuyên và nguyên vật liệu ở doanh nghiệp tương đối phong phú, đa dạng về chủng loại và số lần nhập, xuất nên để đơn giản, phù hợp với điều kiện doanh nghiệp nên công ty đã lựa chọn hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Phương pháp này có ưu điểm ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.



Trong đó:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.4 Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo PP thẻ song song

- Ở kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập, xuất vật liệu để thực hiện công việc nhập, xuất. Sau đó, thủ kho vào thẻ kho nguyên vật liệu để theo dõi về số lượng tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu. Định kỳ 5-7 ngày, thủ kho giao toàn bộ chứng từ nhập, xuất và thẻ kho lên cho kế toán vật liệu để đối chiếu và ghi sổ kế toán.

- Ở phòng kế toán: Định kỳ 5-7 ngày, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và nhận chứng từ nhập, xuất về để ghi sổ. Trước khi mang chứng từ về phòng, kế toán ký xác nhận về số chứng từ đã mang về vào một quyển sổ riêng do thủ kho lập mà không lập trực tiếp phiếu giao nhận chứng từ.

Căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất, kế toán vào Sổ chi tiết vật liệu theo dõi trên các trang đối với từng chủng loại vật liệu như vật liệu chính (1521), vật liệu phụ (1522)... Kế toán doanh nghiệp đã cải tiến Sổ chi tiết vật liệu bằng cách thêm cột ghi chú cuối cùng của trang sổ để tiện việc theo dõi chi tiết việc xuất dùng vật liệu theo đối tượng sử dụng. Từ đó để việc phân bổ nguyên vật liệu theo đối tượng sử dụng được dễ dàng hơn vào cuối tháng.

Cuối kỳ, kế toán dựa vào số tồn trên thẻ kho để vào Sổ kế toán chi tiết và từ Sổ chi tiết vật liệu, kế toán lập Bảng tổng hợp nhập, xuất vật liệu trong tháng (Biểu số 2.6) trong đó theo dõi giá trị vật liệu nhập kho theo các tài khoản đối ứng là 111 và 331. (Công ty thực hiện mua hàng chủ yếu theo phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc nợ nhà cung cấp hoặc vay ngắn hạn để trả tiền mua nguyên vật liệu).

Căn cứ vào các phiếu giao việc và tồn kho của nguyên vật liệu, bộ phận vật tư sẽ lập kế hoạch thu mua NVL.

Để rõ hơn về kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn, em xin lấy ví dụ về quá trình kế toán chi tiết NVL của Tôn CT3-6mm mà công ty đang sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Ví dụ 3: Ngày 24/06/2019 mua một lô nguyên vật liệu theo hóa đơn GTGT (biểu số 2.1)

Ví dụ 4: Ngày 28/6/2019, công ty mua đá hộc với số lượng 3.548m³ của Công ty TNHH MTV XD-TM-VT Minh Anh, VAT 10% và hàng mua về được nhập kho.

Biểu số 2.1**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Mẫu số: 01 GTKT3/001**

Ký hiệu: AA/19P

Liên 2: Giao khách hàng

Số: 0000175

Ngày 24 tháng 6 năm 2019

Đơn vị bán: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí

Địa chỉ: Số 6- Nguyễn Trãi- Máy Tơ-Ngô Quyền-Hải Phòng

Số tài khoản: 0401291099

Điện thoại: 0225.382 6832

MST: 0200682519

Họ tên người mua hàng: Cao Thị Tơ

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

Địa chỉ: Số 129 Lán Bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải

Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200787419

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tôn CT3-6mm	Kg	8.478	14.909	126.398.502
2	Tôn CT3-8mm	Kg	5.652	15.210	85.966.920
3	Tôn CT3-10mm	Kg	3.533	15.795	55.803.735
4	Tôn chống trượt 5mm	Kg	761	15.455	11.761.255
Cộng tiền hàng					279.930.412
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					27.993.041
Tổng cộng tiền thanh toán					307.923.453
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm lẻ bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn

129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

PHIẾU YÊU CẦU NHẬP VẬT TƯ

Số: 105

Ngày 24 tháng 6 năm 2019

Họ và tên: Nguyễn Tuyết Loan

Đơn vị/ bộ phận: Phòng Kế toán

Stt	Tên và đặc điểm kỹ thuật vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
1	Tôn CT3-6mm	Kg	8.478	14.909	
2	Tôn CT3-8mm	Kg	5.652	15.210	
3	Tôn CT3-10mm	Kg	3.533	15.795	
4	Tôn chống trượt 5mm	Kg	761	15.455	

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Giám đốc

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.3

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

Mẫu số: 01 – VT
Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 24 tháng 6 năm 2019

Số: 092

Nợ TK152

Có TK 331

Họ tên người giao hàng: Dương Văn Hải

Theo hóa đơn Số 0000175 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí

Nhập tại kho: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tôn CT3-6mm	A121	Kg	8.478	8.478	14.909	126.398.502
2	Tôn CT3-8mm	A552	Kg	5.652	5.652	15.210	85.966.920
3	Tôn CT3-10mm	A571	Kg	3.533	3.533	15.795	55.803.735
4	Tôn chống trượt 5mm	A549	Kg	761	761	15.455	11.761.255
	Cộng		x	18.424	18.424	x	279.930.412

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng.

Nhập, ngày 24 tháng 6 năm 2019

Thủ trưởng
đơn vị
(Ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu
(Hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: MA/19P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số: 0000155			
Ngày 28 tháng 6 năm 2019					
Đơn vị bán: Công ty TNHH MTV XD-TM-VT Minh Anh					
Mã số thuế: 0801039425					
Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Cao Thị Tơ					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn					
Địa chỉ: Số 129 Lán Bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK		MST: 0200787419			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đá học	M3	3.548	230.000	816.040.000
Cộng tiền hàng					816.040.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					81.604.000
Tổng cộng tiền thanh toán					897.644.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.5

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn

129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

PHIẾU YÊU CẦU NHẬP VẬT TƯ

Số: 110

Ngày 24 tháng 10 năm 2019

Họ và tên: Nguyễn Tuyết Loan

Đơn vị/ bộ phận: Phòng Kế toán

Stt	Tên và đặc điểm kỹ thuật vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
1	Đá hộc	m ³	3.548	230.000	

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Giám đốc

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.6

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

Mẫu số: 01 – VT
Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 28 tháng 6 năm 2019

Số: 122

Nợ TK152

Có TK 331

Họ tên người giao hàng: Anh Thắng

Theo hóa đơn Số 0000155 ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Công ty TNHH

MTV XD-TM-VT Minh Anh

Nhập tại kho: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá hộc		m ³	3.548	3.548	230.000	816.040.000
	Cộng		x	3.548	3.548	x	816.040.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): Tám trăm mười sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn./.

Nhập, ngày 28 tháng 6 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Phụ trách cung tiêu (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên)	Người giao hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)
--------------------------------------	--	---------------------------------	-------------------------

Ví dụ 5: Ngày 27/06/2019 xuất kho nguyên vật liệu thi công công trình cho công ty Đức Thành gồm ống thép, cáp lựu, cóc bắt cáp, Tôn CT3-6mm như Phiếu xuất kho 335.

Ví dụ 6: Ngày 29/6/2019, công ty xuất kho 1.402m³ đá hộc cho công trình Khách sạn Bắc Hà, phiếu xuất kho được thể hiện ở biểu 2.12.

Biểu số 2.9

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn

129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

PHIẾU YÊU CẦU XUẤT VẬT TƯ

Số: 195

Ngày 27 tháng 6 năm 2019

Họ và tên: Hoàng Anh Vũ

Đơn vị/ bộ phận: Phòng Kỹ thuật

Stt	Tên và đặc điểm kỹ thuật vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Lý do / mục đích sử dụng
1	ống thép D245 x 10,4	A580	Kg	210	thi công công trình cho công ty Đức Thành
2	Cáp lựu D40	A336	M	36	
3	Cóc bắt cáp D16 (L.doanh)	A596	Kg	36	
4	Tôn CT3 – 6mm	A121	Kg	1.750	

Người lập biểu

Trưởng phòng kỹ thuật

Giám đốc

(Nguồn: Phòng Kỹ thuật)

Biểu số 2.10

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

Mẫu số: 02 – VT
Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 6 năm 2019

Số: 335

Nợ 154: 30.872.652

Có 152: 30.872.652

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Địa chỉ (bộ phận):.....Tổ nề....

Lý do xuất kho: Lập tôn mái

Xuất tại kho: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	ống thép D245 x 10,4	A580	Kg	210	210	15.909	3.340.890
2	Cáp lựu D40	A336	M	36	36	24.028	865.008
3	Cóc bắt cáp D16 (L.doanh)	A596	Kg	36	36	16.000	576.000
4	Tôn CT3 – 6mm	A121	Kg	1.750	1.750	14.909	26.090.750
	Cộng	x	x	x	x	x	30.872.652

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): Ba mươi triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng chẵn.

Xuất, ngày 27 tháng 6 năm 2019

Phụ trách bộ
phận sử dụng
(Ký, họ tên)

Phụ trách
cung tiêu
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng
đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 2.11

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn

129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

PHIẾU YÊU CẦU XUẤT VẬT TƯ

Số: 205

Ngày 29 tháng 6 năm 2019

Họ và tên: Hoàng Anh Vũ

Đơn vị/ bộ phận: Phòng Kỹ thuật

Stt	Tên và đặc điểm kỹ thuật vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Lý do / mục đích sử dụng
1	Đá hộc	ĐH	m ³	1.402	Xây trường khách sạn Bắc Hà

Người lập biểu

Trưởng phòng kỹ thuật

Giám đốc

(Nguồn: Phòng Kỹ thuật)

Biểu số 2.12

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

Mẫu số: 02 – VT
Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 6 năm 2019

Số: 340

Nợ 154: 322.460.00

Có 152: 322.460.00

Họ tên người nhận hàng: Lê Anh Quân Địa chỉ (bộ phận): Đội xây dựng

Lý do xuất kho: Phục vụ công trình thi công san nền & sản xuất khối xếp

Khách sạn Bắc Hà.

Xuất tại kho: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá hộc		m ³	1.402	1.402	230.000	322.460.00
	Cộng	x	x	1.402	1.402	x	322.460.00

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): Ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng.

Xuất, ngày 29 tháng 6 năm 2019

Phụ trách bộ
phận sử dụng
(Ký, họ tên)

Phụ trách
cung tiêu
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng
đơn vị
(ký, họ tên)

Thẻ kho

Thẻ kho do kế toán của công ty lập rồi chuyển cho thủ kho để ghi chép hàng ngày. Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất, thủ kho ghi số lượng nhập, xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một ngày, cuối ngày tính ra số tồn kho. Cuối tháng, nhân viên kế toán của công ty xuống kho nhận chứng từ, kiểm tra việc ghi thẻ kho của thủ kho và ký xác nhận vào thẻ kho.

Biểu số 2.13

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

Mẫu số S08 – DNN
Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính

THẺ KHO

Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Tôn CT3-6mm
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số: A121
- Kho: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

TT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày y N-X	Số lượng			Ký xác nhận của KT
	SH	NT			N	X	T	
			Tồn đầu tháng				2.880	
1	189	01/6	Xuất NN Hoa Mai	01/6		200	2.680	
2	238	14/6	Xuất xây nhà Hoàng Hoa	14/6		1.950	730	
3	259	19/6	Xuất sửa CH xăng dầu 1	19/6		120	610	
4	276	21/6	Xuất sửa Cty Hoà Anh	21/6		350	260	
5	287	23/6	Xuất sửa Cty PTS	23/6		260	0	
6	092	24/6	Nhập kho	24/6	8.478		8.478	
7	309	25/6	Xuất thi công nhà Hoài An	25/6		547	7.931	
8	321	26/6	Xuất thi công NH Mai Lan	26/6		480	7.451	
9	335	27/6	Xuất ctrình cty Đức Thành	27/6		1.750	5.701	
			Cộng		8.478	5.657		
			Dư cuối tháng				5.701	

Ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.14

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

Mẫu số S08 – DNN
Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính

THẺ KHO

- Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Đá hộc
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số: ĐH
- Kho: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

Đơn vị tính: m3

TT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký xác nhận của KT
	SH	NT			N	X	T	
			Tồn đầu				1.250	
1	PX289	10/6	Xuất	10/6		1.250	0	
2	PN122	28/6	Nhập	28/6	3.548		3.548	
3	PX340	29/6	Xuất	29/6		1.402	2.146	
			Cộng phát sinh		3.548	2.652		
			Dư cuối kỳ				2.146	

Ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.15 Sổ chi tiết nguyên vật liệu**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn**Mẫu số S10-DNN****Địa chỉ:** 129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Từ ngày 01/06/2019 đến 30/06/2019

Tài khoản: 152 Tên kho: KHCT

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Tôn CT3-6mm Mã: A121

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu tháng		15.338					2.880	44.173.440
189	01/6	Xuất NN Hoa Mai	621	15.338			200	3.067.600	2.680	41.105.840
238	14/6	Xuất xây nhà Hoàng Hoa	621	15.338			1.950	29.909.100	730	11.196.740
259	19/6	Xuất sửa CH xăng dầu 1	621	15.338			120	1.840.560	610	9.356.180
276	21/6	Xuất sửa Cty Hoà Anh	621	15.338			350	5.368.300	260	3.987.880
287	23/6	Xuất sửa Cty PTS	621	15.338			260	3.987.880	0	0
092	24/6	Nhập kho	621	14.909	8.478	126.398.502			8.478	126.398.502
309	25/6	Xuất thi công nhà Hoài An	621	14.909			547	8.155.223	7.931	118.243.279
321	26/6	Xuất thi công NH Mai Lan	621	14.909			480	7.156.320	7.451	111.086.959
335	27/6	Xuất ctrình cty Đức Thành	621	14.909			1.750	26.090.750	5.701	84.996.209
		Cộng			8.478	126.398.502	5.657	85.575.733		
		Số dư cuối tháng							5.701	84.996.209

(Trích nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.16 - Sổ chi tiết 152

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

Địa chỉ: 129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S10-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)****Trích:****SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Từ ngày 01/06/2019 đến 30/06/2019

Tài khoản: 152 Tên kho: KHCT

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Đá học Mã: DH*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5= (1x4)	6	7= (1x6)	8
		Số dư đầu kỳ		250.000					1.250	312.500.000	
		Số phát sinh									
PX289	10/6	Xuất	621	250.000			1.250	312.500.000	0	0	
PN122	28/6	Nhập	331	230.000	3.548	816.040.000			3.548	816.040.000	
PX340	29/6	Xuất	621	230.000			1.402	322.460.000	2.146	493.580.000	
		Cộng PS	x	x	3.548	816.040.000	2.652	634.960.000			
		Số dư cuối kỳ							2.146	493.580.000	

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.17 Bảng tổng hợp xuất - nhập - tồn

Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, Hải Phòng

Trích:

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT-TỒN

Kho Vật liệu – TK 152

Tháng 6 Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Mã HH	Tên hàng	Đơn vị	Dư đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Dư cuối kỳ	
			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
A121	Tôn CT3-6mm	Kg	2.880	44.173.440	8.478	126.398.502	5.657	85.575.733	5.701	84.996.209
A552	Tôn CT3-8mm	Kg	1.450	22.240.100	5.652	84.265.668	3.888	58.588.242	3.214	47.917.526
A571	Tôn CT3-10mm	Kg	300	4.601.400	3.533	52.673.497	2.195	32.853.955	1.638	24.420.942
A549	Tôn chống trượt 5mm	Kg	421	6.462.350	761	11.761.255	988	15.225.335	194	2.998.270
A580	ống thép D245 x 10,4	Kg	980	15.590.820			210	3.340.890	770	12.249.930
A336	Cáp lựu D40	M	140	3.363.920			36	865.008	104	2.498.912
ĐH	Đá học	m3	1.250	312.500.000	3.548	816.040.000	2.652	634.960.000	2.146	493.580.000
...
	Tổng cộng		x	2.214.495.000	x	1.149.492.400	x	2.672.289.360	x	691.698.040

Ngày 30 tháng 6 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán nguyên vật liệu, Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này tình hình biến động nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của Công ty trên sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

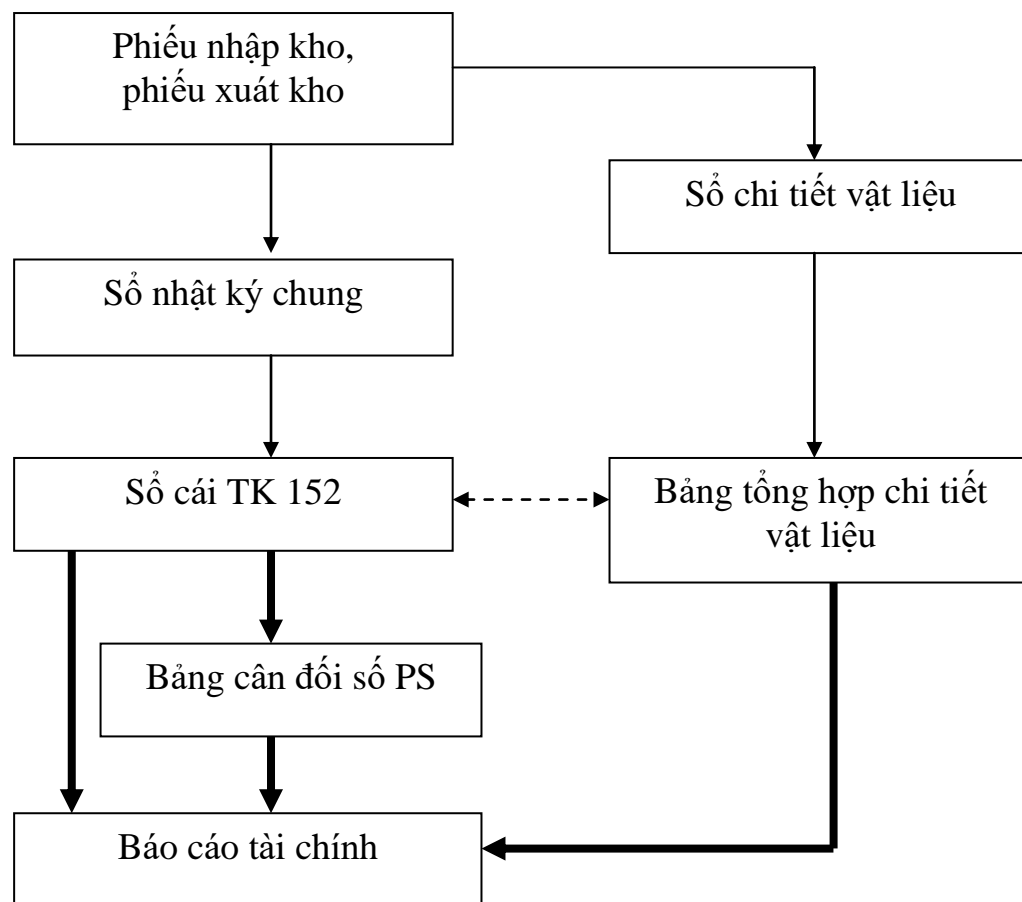
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu giao việc;
- Phiếu nhập kho; Phiếu xuất kho.

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

Để tổng hợp Nhập-Xuất vật tư, công ty sử dụng các tài khoản và sổ kế toán như sau:

- TK 152: Nguyên liệu, vật liệu
- TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
- TK 1111: Tiền mặt VNĐ
- TK 112 : TGNH
- TK 331: Phải trả người bán
- TK 141: Tạm ứng
- TK 154: Chi phí sản xuất dở dang

2.2.2.3 Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

→ : Ghi định kỳ

←---> : Đối chiếu

Sơ đồ 2.5 Trình tự ghi sổ kế toán NVL tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

Sổ Nhật ký chung: Định kỳ, căn cứ vào các chứng từ do bộ phận kho gửi lên, kế toán cập nhật số liệu vào sổ sách trong máy tính. Sổ Nhật ký chung được kế toán tổng hợp quản lý và theo dõi, hàng quý in ra để bảo quản và lưu trữ.

Sổ Cái TK 152, Sổ Cái TK 154: Định kỳ, trên cơ sở các số liệu được kế toán cập nhật, máy tính sẽ tự động chuyển sang Sổ Cái các tài khoản trên. Sổ Cái của các tài khoản cũng được in ra hàng quý cùng với Sổ Nhật ký chung để bảo quản và lưu giữ.

Căn cứ vào các ví dụ trên, từ các chứng từ gồm hoá đơn, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, thẻ kho và các sổ chi tiết tài khoản 152. Kế toán phản ánh ghi sổ sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 152.

Biểu số 2.18 - Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

Mẫu số: SO3a – DNN
Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Trang trước c/s			9.168.772.676	9.168.772.676
..
23/6	HĐ80056/ PN82	23/6	Mua NVL (đinh 7cm, dây thép 1 ly, thépØ10)		152 133 331	158.825.500 15.882.550	174.708.050
23/6	PX286	23/6	Xuất NVL thi công NN Hoa Mai (xi măng, đinh, thép)		621 152	101.981.818	101.981.818
23/6	PX287	23/6	Xuất sửa Cty PTS		621 152	3.987.880	3.987.880
24/6	HĐ175/ PN096	24/6	Mua NVL của cty kim khí		152 133 331	279.930.412 27.993.041	307.923.453
25/6	PX311	25/6	Xuất đá hộc cho CT xi măng HoàngThạch		621 152	322.460.000	322.460.000
..
27/6	PX335	27/6	Xuất ctrình cty Đức Thành		621 152	30.872.652	30.872.652
28/8	HĐ155/P N122	28/6	Mua đá hộc		152 133 331	816.040.000 81.604.000	897.644.000
29/6	PX340	29/6	Xuất đá hộc cho CT KS Bắc Hà		154 152	322.460.000	322.460.000
..
			Cộng số phát sinh			12.324.114.658	12.324.114.658

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19– Trích Sổ cái TK 152 Tháng 6/2019

Công ty TNHH TM Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

Mẫu số: SO3b – DNN
Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

Nguyên liệu, vật liệu

Tháng 6 Năm 2019

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tran g Sổ Nhật ký chung	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Dư đầu tháng			2.214.495.000	
			Số phát sinh trong kỳ				
..
23/6	HĐ8005 6/PN82	23/6	Mua NVL (đinh 7cm, dây thép 1 ly, thépØ10)		152	158.825.500	
23/6	PX286	23/6	Xuất NVL thi công NN Hoa Mai (xi măng, đinh, thép)		621		101.981.818
23/6	PX287	23/6	Xuất sửa Cty PTS		621		3.987.880
24/6	HĐ175/ PN096	24/6	Mua NVL công ty kim khí		331	279.930.412	
25/6	PX311	25/6	Xuất đá hộc cho CT xi măng HoàngThạch		621		322.460.000
..
27/6	PX335	27/6	Xuất ctrình cty Đức Thành		621		30.872.652
28/8	HĐ155/ PN122	28/6	Mua đá hộc		331	816.040.000	
29/6	PX340	29/6	Xuất đá hộc cho CT khách sạn Bắc Hà		154	322.460.000	
			Cộng phát sinh tháng			1.149.492.400	2.672.289.360
			Số dư cuối kỳ			691.698.040	

Ngày 30 tháng 6 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu
(Nguồn: Phòng Kế toán

2.2.4. Kế toán kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

Mục đích của kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay, Công ty đã tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu 06 tháng một lần tại kho trong Doanh nghiệp. Số lượng kiểm kê trên sổ sách kế toán phải được chuẩn bị từ trước theo từng loại, từng kho hoặc từng đơn vị quản lý sử dụng tài sản để phân nhóm tổ chức kiểm kê.

Biên bản kiểm kê không chỉ có nhiệm vụ kiểm đếm chính xác số hiện có của nguyên vật liệu, mà còn phải xác định chính xác phẩm chất, tình trạng hiện có của chúng. Kết quả kiểm kê được phản ánh trên Biên bản kiểm kê. Kết quả kiểm kê được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Công ty xem xét và cho phương án xử lý theo quy định chung. Biên bản kiểm kê là cơ sở của kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo.

Trong thực tế ở công ty Hoàng Tuấn, số liệu trên Báo cáo kiểm kê vật tư, hàng tồn kho thường tương đối khớp so với số liệu trên sổ sách kế toán do những vật liệu này thường vừa mới được mua ở thời điểm cuối năm để phục vụ cho việc sản xuất đơn đặt hàng mới nhận.

Tại thời điểm kiểm kê cuối ngày 30/6/2019 Công ty đã thực hiện kiểm kê NVL như sau:

Biểu số 2.20 Biên bản kiểm kê NVL tồn kho

Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn
129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, HP

BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU

Thời điểm kiểm kê: Giờ 17h00', Ngày 30 Tháng 6 Năm 2019

1. Ông: Đinh Xuân Tới - Chức vụ: PGĐ Kỹ Thuật.

2. Bà: Nguyễn Thị Hằng - Chức vụ: Kế toán viên.

3. Ông: Nguyễn Hữu Cảnh - Chức vụ: Thủ kho

Đã kiểm kê tại kho: Kho của Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn

Kết quả kiểm kê như sau:

Đơn vị tính: đồng

stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tồn kho trên sổ sách		Tồn kho thực tế		Thừa		Thiếu	
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
...
22	Que hàn chịu lực	kg	30.000	5	150.000	5	150.000	0	0	0	0
23	Que hàn inox - 4 mm	kg	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Tôn CT3-6mm	Kg	14.909	5.701	84.996.209	5.701	84.996.209	0	0	0	0
25	Tôn CT3-8mm	Kg	14.909	3.214	47.917.526	3.214	47.917.526	0	0	0	0
26	Tôn CT3-10mm	Kg	14.909	1.638	24.420.942	1.638	24.420.942	0	0	0	0
27	Tôn chống trượt 5mm	Kg	15.455	194	2.998.270	194	2.998.270	0	0	0	0
28	ống thép D245 x 10,4	Kg	15.909	770	12.249.930	770	12.249.930	0	0	0	0
29	Cáp lựu D40	M	24.028	104	2.498.912	104	2.498.912	0	0	0	0
30	Cọc bắt cáp D16 (L.doanh)	Kg	16.000	33	528.000	33	528.000	0	0	0	0
...
	Tổng			29.359	691.698.040	29.359	691.698.040				

Nhận xét của tổ kiểm kê: Không có NVL thiếu trong

Giám Đốc
(Đã Ký)

Kế toán trưởng
(Đã Ký)

Thủ kho
(Đã Ký)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TM DV HOÀNG TUẤN

3.1 Đánh giá chung về công tác nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

3.1.1 Ưu điểm

* Về bộ máy kế toán và đội ngũ kế toán viên

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập chung: Toàn bộ công tác kế toán tập chung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra và gửi về phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tổng hợp ghi vào sổ kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn, nó đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Cán bộ kế toán được phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng nên sự chuyên môn hóa rất cao, đảm bảo các phần hành tiến hành nhanh nhẹn, độ chính xác cao và đảm bảo khả năng cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, kịp thời.

Đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ, năng lực, nhiệt tình đáp ứng yêu cầu căn bản về công tác hạch toán kinh doanh nói chung và hạch toán chi phí sản xuất nói riêng.

* Về hệ thống danh điểm nguyên vật liệu

Công ty sử dụng một khối lượng lớn vật tư, vật liệu gồm nhiều loại với các tính năng thành phần lý hoá khác nhau, công dụng khác nhau, quản lý tốt vật liệu và hạch toán một cách chính xác thì cần phải tiến hành phân loại vật liệu một cách khoa học, hợp lý.

Công ty đã tiến hành phân loại vật liệu theo vai trò và công dụng của chúng thành các nhóm chủ yếu sau:

- + Nguyên vật liệu chính
- + Vật liệu phụ
- + Vật liệu khác

Nguyên vật liệu chính gồm những thành phần cấu thành nên khung sản phẩm: sắt, thép, xi măng, gạch xây, đá, cát, sỏi.

Vật liệu phụ: phụ gia bê tông, các thiết bị, vật kiến trúc, trang trí nội thất, ngoại thất, thiết bị vệ sinh, điều hoà, không khí, khung cửa, lan can là các thiết bị không phải do chủ đầu tư mang đến.

Vật liệu phụ khác: nhiên liệu, dầu mỡ phục vụ xe máy thi công, sơn, vôi ve, đinh, que hàn thép ly, thiết bị xây dựng cơ bản loại nhỏ.

Để phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán vật liệu được tốt hơn Công ty đã mở sổ danh điểm vật liệu. Việc lập sổ danh điểm vật liệu có thể tiến hành bằng cách trong mỗi loại vật liệu nhóm vật liệu cần sử dụng một ký hiệu riêng để thay thế tên gọi, nhãn hiệu. Đồng thời mỗi loại vật liệu nên sử dụng một số trang trong sổ danh điểm vật liệu để ghi đủ các thứ nhóm vật liệu thuộc loại đó.

Việc mã hoá tên các loại vật liệu trong sổ danh điểm và sắp xếp theo thứ tự trong sổ danh điểm phải có sự kết hợp chặt chẽ và thống nhất giữa các phòng ban chức năng, đảm bảo tính khoa học chặt chẽ và hợp lý phục vụ chung cho yêu cầu quản lý của Công ty, góp phần giảm bớt khối lượng công việc kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi các loại vật liệu.

* Về chế độ, chính sách liên quan đến kế toán nguyên vật liệu

Kế toán vật tư phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu, phù hợp với đặc trưng của ngành xây dựng và đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Mặt khác do công ty tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên nên phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu liên tục. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động vật tư tại bất kỳ thời điểm nào. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu và cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp ngay cả khi có sự biến động của công ty diễn ra thường xuyên, liên tục. Đây là phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

* Về công tác kiểm kê nguyên vật liệu

Công ty đã thực hiện kiểm kê nguyên vật liệu thường xuyên cả về số lượng và chất lượng ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí có biện pháp kịp thời xử lý những hiện tượng tiêu cực nhằm quản lý tốt vật liệu.

Công ty đã đánh giá lại vật liệu thường được thực hiện trong trường hợp đem vật liệu đi góp vốn liên doanh và trong trường hợp nhà nước quy định nhằm bảo toàn vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả.

Khi kiểm kê, doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban kiểm kê, Hội đồng một ban kiểm kê phải có thành phần đại diện lãnh đạo, những người chịu trách nhiệm vật chất về bảo vệ vật liệu, phòng kế toán và đại diện nhân viên của doanh nghiệp. Khi kiểm kê phải thực hiện cân đo, đóng, đếm và phải lập biên bản kiểm kê xác định số chênh lệch giữa số liệu thực kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, trình bày ý kiến xử lý chênh lệch.

* Về thủ tục nhập - xuất nhập kho nguyên vật liệu

- Thủ tục thu mua nguyên vật liệu

Công ty đang áp dụng một quy trình quản lý vật tư từ khâu tiếp nhận, cấp phát đến thu hồi rất chặt chẽ và hiệu quả. Theo quy trình này cả 3 yếu tố số lượng, chất lượng, giá trị của vật tư mua vào đều được quản lý riêng biệt bởi 04 bộ phận khác nhau, đó là: phòng quản lý vật tư, phòng quản lý chất lượng, phòng mua bán-xuất nhập khẩu, phòng kế toán. Việc này làm cho khối lượng công việc ở mỗi phòng ban được giảm nhẹ mà lại tạo hiệu quả rất cao trong công tác quản lý vật tư và cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác cho Ban lãnh đạo. Nhờ áp dụng quy trình này, số lượng vật tư luôn được đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ và luôn ở trạng thái sẵn sàng cho sản xuất, vì vậy Công ty luôn tránh được tình trạng phải ngưng hay giảm cường độ lao động do thiếu hay phải chờ nguyên vật liệu, gây thiệt hại cho công ty.

Bên cạnh đó chất lượng vật tư cũng luôn được đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho sản xuất. Chất lượng vật tư không chỉ được kiểm tra ở khâu nhập kho mà còn được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi xuất dùng cho sản xuất, điều này đã giúp cho công ty tạo được lòng tin, uy tín và thu hút được khách hàng.

- Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ do phòng thiết kế đưa ra để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất được lập kế hoạch từ trước và được Giám đốc thông qua. Trong khâu xuất kho, công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng nguyên vật liệu cũng như mối liên hệ thống nhất giữa bộ phận quản lý sản xuất, quản lý vật tư, thủ kho, thông qua phiếu xuất kho, thẻ kho... Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đã giúp cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu tại công ty được chính xác, đảm bảo vật liệu được sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

3.1.2 Hạn chế

Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn là một doanh nghiệp thực hiện buôn bán nguyên vật liệu xây dựng và thực hiện xây dựng các công trình, hạng mục, xây lắp do đó nguyên vật liệu mà công ty sử dụng rất đa dạng, nhiều chủng loại và biến động liên tục. Vì vậy để phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể số hiện có và tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, đồng thời tiết kiệm thời gian trong việc đối chiếu giữa kho và phòng kế toán công ty cần lập lại sổ danh điểm nguyên vật liệu. Trong sổ danh điểm nguyên vật liệu được phân chia chi tiết theo tính năng hóa lý, theo quy cách phẩm chất và đặc biệt là được mã hóa thành một hệ thống đảm bảo tính logic, thuận tiện việc tìm kiếm thông tin của nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất.

- Về việc luân chuyển chứng từ: việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ không biết quy trách

nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu: công ty chỉ có một kho để lưu trữ và bảo quản cả nguyên vật liệu lẫn công cụ dụng cụ, điều này dẫn đến việc dễ nhầm lẫn, mất mát trong quá trình nhập xuất nguyên vật liệu hay công cụ dụng cụ.

- Công ty vẫn thực hiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đối với nguyên vật liệu mua về không qua kho. Cụ thể như việc mua nguyên vật liệu về dùng ngay cho thi công công trình, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho, công việc này mang tính rườm rà, mất nhiều công sức và thời gian.

- Về phân loại nguyên vật liệu: công ty có phân chia nguyên vật liệu thành 4 nhóm, đó là vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, vật liệu thu hồi. Tuy nhiên khi hạch toán, kế toán chỉ sử dụng một loại tài khoản, TK152: nguyên vật liệu. Ví dụ như sơn chống han rỉ là nguyên vật liệu phụ, nhưng khi hạch toán kế toán vẫn sử dụng chung là TK152. Điều này không phản ánh đúng chức năng và công dụng của từng loại nguyên vật liệu gây ra khó khăn cho công tác quản lý và dễ nhầm lẫn các loại với nhau.

- Về việc kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu nhập kho: Công ty mới chỉ tiến hành nghiệm thu đối với những nguyên vật liệu nhập kho có giá trị lớn hoặc yêu cầu về chất lượng cao còn những nguyên vật liệu có giá trị nhỏ hay số lượng nhiều, vật liệu có quy cách hay đơn giá khác nhau thì chưa được tiến hành nghiệm thu trước khi nhập kho. Như vậy, giữa những loại nguyên vật liệu giống nhau mà khác nhau về đơn giá có thể bị nhầm lẫn, hay số lượng nguyên vật liệu bị thiếu không đúng với đơn mua hàng.

- Công tác tổ chức kiểm kê vật tư của công ty được tiến hành 2 lần trong năm vào thời điểm 30/6 và 31/12. Công tác kiểm kê tại công ty được tiến hành như vậy là ít, thời gian giữa hai lần kiểm kê cách xa nhau vậy nếu xảy ra tình trạng hỏng hóc, mất mát khó tìm ra nguyên nhân, quy trách nhiệm. Nguyên vật liệu mà công ty sử dụng rất dễ bị biến đổi phẩm chất, chất lượng nếu không

được bảo quản đúng vì vậy nếu công tác kiểm kê ít được thực hiện sẽ không phát hiện được kịp thời sự biến đổi của nguyên vật liệu sẽ gây lãng phí, tổn kém, ảnh hưởng tới quá trình sản xuất kinh doanh.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

3.2.1 Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

Kế toán là một công cụ quan trọng và hữu hiệu trong quản lý kinh tế cả về vĩ mô và vi mô. Hiện nay, trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự điều tiết của Nhà nước, Kế toán trở thành một công cụ không thể thiếu được trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong lĩnh vực kế toán nói chung, kế toán nguyên vật liệu là một bộ phận chiếm vị trí vô cùng quan trọng, vì nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là yếu tố cấu thành nên sản phẩm. Do đó, việc hạch toán nguyên vật liệu luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu trong các doanh nghiệp.

Kế toán nguyên vật liệu là một trong những phần hành kế toán quan trọng trong doanh nghiệp khi thực hiện tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Do đó, nâng cao và hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng là điều cần thiết, giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu kinh tế xã hội, đồng thời khẳng định được vị thế của mình trên thị trường.

Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn là một doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp nên chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí cũng như giá thành sản phẩm xây lắp. Thực tế đó đòi hỏi công ty phải không ngừng hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

Đối với công tác quản lý nguyên vật liệu, trong một doanh nghiệp xây lắp lớn như Công ty thì yêu cầu nắm bắt tình hình nguyên vật liệu cả về số lượng, chất lượng và chủng loại của từng loại nguyên vật liệu một cách chính xác, kịp thời có ý nghĩa rất quan trọng. Những thông tin này giúp cho Phòng Kế hoạch

của công ty xây dựng dự toán nguyên vật liệu một cách kinh tế nhất mà vẫn đảm bảo chất lượng các công trình. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu này của công tác quản lý nguyên vật liệu thì việc hoàn thiện hạch toán nguyên vật liệu là một việc làm cần thiết.

Hơn nữa, nguyên vật liệu được sử dụng tại Công ty rất đa dạng với nhiều chủng loại, trong đó có cả những vật liệu ngoài trời. Để sử dụng chúng một cách hiệu quả cho quá trình sản xuất, thi công các công trình đòi hỏi chúng phải được theo dõi, bảo quản sát sao, giảm đến mức tối đa các hao hụt mất mát trong sử dụng và dự trữ, cũng như bảo đảm chất lượng của nguyên vật liệu không bị thay đổi trong quá trình dự trữ. Việc không ngừng hoàn thiện hạch toán nguyên vật liệu cũng là một nhân tố giúp Công ty đạt được mục tiêu này.

Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho thông tin tài chính được phản ánh một cách nhanh chóng, chính xác, góp phần phục vụ đắc lực cho công tác quản lý của Công ty. Mặt khác, khối lượng công việc kế toán tại Công ty hiện nay là khá lớn yêu cầu phải hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung và hạch toán nguyên vật liệu nói riêng, nhằm tìm ra phương pháp hạch toán thích hợp, giảm bớt được khối lượng công việc. Vì vậy, hoàn thiện hạch toán nguyên vật liệu là một yêu cầu, một vấn đề cần được quan tâm đúng mức.

Xuất phát từ những yêu cầu của thực tế như trên, cùng với những quy định ngày càng chặt chẽ của Chế độ Kế toán cũng như các chính sách về kế toán do Nhà nước quy định, Công ty đang thực hiện từng bước quá trình hoàn thiện để công tác kế toán thực sự là công cụ quản lý hiệu quả nhất cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, để thực hiện một cách đúng đắn và khoa học, công tác hoàn thiện hạch toán nguyên vật liệu phải tuân thủ một số nguyên tắc sau:

Yêu cầu tuân thủ Chế độ Kế toán Nhà nước và áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, khả năng và trình độ của nhân viên kế toán. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong công tác hoàn thiện phải biết vận dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp của

mình một cách mềm dẻo, sáng tạo và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Yêu cầu thống nhất, đây là một yêu cầu hết sức quan trọng giúp Nhà nước quản lý tình hình sản xuất kinh doanh của tất cả các ngành, các đơn vị, các thành phần kinh tế. Tính thống nhất ở đây đòi hỏi công tác kế toán phải thống nhất trên nhiều mặt. Ví dụ: mẫu sổ, trình tự và một số nghiệp vụ kế toán phải thống nhất về mặt xây dựng tài khoản cấp 1, cấp 2; thống nhất nội dung phản ánh của tài khoản và thống nhất về tên gọi mã kho hàng hoá...

Yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả. Đây là một trong những yêu cầu cơ bản trong công tác kế toán bởi vì có cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thì kế toán mới giúp cho ban lãnh đạo của Công ty đưa ra được các quyết sách đúng đắn. Từ đó giúp Công ty tiết kiệm chi phí và nâng cao lợi nhuận.

3.2.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

3.2.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu

Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn là một công ty chuyên về các công trình xây dựng khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, phẩm chất, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em, công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm nguyên vật liệu”.

Sổ danh điểm nguyên vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu, giúp cho việc quản lý từng loại vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập – xuất – tồn. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận lợi hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào vật liệu;
- Dựa vào số nhóm vật liệu trong mỗi loại;
- Dựa vào số thứ vật liệu trong mỗi nhóm;
- Dựa vào số quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Dựa vào các con số tự nhiên, em xin đề xuất quy ước sau để xây dựng bộ mã nguyên vật liệu

Trước hết bộ mã nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số hiệu tài khoản cấp 2 đối với vật liệu:

- + Vật liệu chính: TK 1521
- + Vật liệu phụ: TK 1522
- + Nhiên liệu: TK 1523

- Để biểu thị nhóm nguyên vật liệu có cùng tính chất, chức năng và vai trò tương tự nhau, thì ta thêm số tự nhiên thứ 5 và thứ 6 sau số hiệu tài khoản cấp 2.

- Để biểu thị quy cách, phẩm chất của mỗi loại nguyên vật liệu cụ thể trong nhóm nguyên vật liệu, ta tiếp tục thêm số tự nhiên thứ 7 và thứ 8.

Ví dụ : Nguyên vật liệu chính 1521

Tôn CT3: 1521.01

Tôn CT3-2mm : 1521.01.01

Tôn CT3-3mm : 1521.01.02

Tôn CT3-4mm : 1521.01.03

Công ty Hoàng Tuấn có thể lập “Sổ danh điểm nguyên vật liệu” theo mẫu sau đây:

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm nguyên vật liệu

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

Ký hiệu		Mã số danh	Danh điểm vật liệu	Đơn vị	Ghi
Loại	Nhóm	điểm			
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521.01		Tôn CT03	Kg	
		1521.01.01	Tôn CT03-2mm	Kg	
		1521.01.02	Tôn CT03-3mm	Kg	
		1521.01.03	Tôn CT03-4mm	Kg	
		1521.01.04	Tôn CT03-6mm	Kg	
	
	1521.02		Thép inox	Kg	
		1521.02.01	Thép inox D14	Kg	
		1521.02.02	Thép inox D16	Kg	
		1521.02.03	Thép inox D20	Kg	
		1521.02.04	Thép inox D22	Kg	
		1521.02.05	Thép inox D35	Kg	
	
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522.01		Sơn chống rỉ M		
		1522.01.01	Sơn chống rỉ M nâu	Lít	
		1522.01.02	Sơn chống rỉ M ghi	Lít	
	
	1522.02		Bulông inox	Cái	
		1522.02.01	Bulông inox M10x30	Cái	
		1522.02.02	Bulông inox M14x40	Cái	
		1522.02.03	Bulông inox M16x40	Cái	
		1522.02.04	Bulông inox M16x60	Cái	
		1522.02.05	Bulông inox M18x60	Cái	
	

3.2.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận

chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo biểu số 3.2 như sau:

Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ

Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày....đến ngày....tháng....năm

Ngày, tháng trên chứng từ	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận
A	1	B	2	C	D

Ngày...tháng...năm...

(Cột số tiền do kế toán tính toán và điền vào, thủ kho và kế toán chỉ giao nhận về lượng và số hiệu chứng từ)

3.2.2.3. Hoàn thiện việc chia kho để nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu

- Hiện nay, trong quá trình quản lý và hạch toán vật tư công ty công ty không phân kho do đó tất cả các nghiệp vụ về vật tư phát sinh đều được công ty thực hiện trên một kho là “Kho công ty”, thay vì tổ chức và hạch toán thành hai kho là “Kho nguyên vật liệu” và “Kho công cụ dụng cụ”.

Công ty không thực hiện chia kho sẽ gây ra những hạn chế, không thuận tiện trong việc theo dõi, kiểm soát chi tiết tình hình biến động cụ thể của vật tư

giữa kế toán vật tư và thủ kho. Ví dụ như: số liệu hiện tại trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa lấy từ hệ thống kế toán là số liệu của “Kho công ty”, tức là số liệu tổng của toàn bộ vật tư. Khi muốn biết số dư cũng như tình hình nhập xuất tồn của riêng nguyên vật liệu hay công cụ dụng cụ thì kế toán vật tư phải lọc số liệu trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn của “Kho công ty”, như vậy kế toán sẽ tăng công việc phải làm, mặt khác nếu xảy ra chênh lệch số liệu giữa theo dõi của kế toán và ghi chép của thủ kho, sẽ khó tìm ra nguyên nhân để kịp thời có biện pháp kiểm kê, rà soát lại.

Vì những lý do trên, theo em công ty nên thực hiện chia kho vật chất hiện tại, sắp xếp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ thành hai khu riêng biệt, cũng như việc chia kho tương ứng trên phần mềm kế toán đang sử dụng. Để quy trình quản lý vật tư của công ty được chặt chẽ, dễ dàng và khoa học hơn trong công việc kiểm kê, giám sát vật tư.

3.2.2.4. Hoàn thiện thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu

Khi nguyên vật liệu mua về, không nhập kho mà được chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất, nhưng phòng vật tư vẫn tiến hành thủ tục nhập kho, sau đó lại tiến hành thủ tục xuất kho. Việc thực hiện thủ tục nhập – xuất kho như vậy sẽ rườm rà, làm tăng thêm công việc, hao phí về lao động.

Theo em, trong trường hợp này khi nguyên vật liệu về công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư và biên bản giao nhận vật tư đó là căn cứ hạch toán chi phí nguyên vật liệu nhập xuất thẳng, vừa giảm bớt thủ tục ghi chép, vừa phản ánh kịp thời số liệu hạch toán hàng tồn kho.

3.2.2.5. Về việc mở thêm tiểu khoản

Tuy công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và công dụng của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh theo 4 nhóm. Nhưng trong quá trình hạch toán tổng hợp tất cả các nguyên vật liệu đều được công ty hạch toán chung trong tài khoản 152, bao gồm cả nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu và vật liệu thu hồi. Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên mở thêm và sử dụng các tiểu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK1521: Nguyên vật liệu chính
- TK1522: Nguyên vật liệu phụ
- TK1523: Nhiên liệu
- TK1524: Vật liệu thu hồi

Việc mở thêm các tiểu khoản, sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra, sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản, giá trị nguyên vật liệu xuất kho cho sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm cũng được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm qua các kỳ.

3.2.2.6. Hoàn thiện thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Vật tư, hàng hóa nói chung và nguyên vật liệu nói riêng cần phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi nhập kho, để xem xét loại hàng nhập kho có đúng, đủ với những điều khoản ghi trên hợp đồng mua hàng hay không, tránh tình trạng nhập kho với những hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc không đủ số lượng so với thực mua.

Nhưng tại công ty Hoàng Tuấn lại chỉ mới tiến hành nghiệm thu đối với những nguyên vật liệu có giá trị lớn mỗi khi nhập kho như : sắt, thép... mà chưa tiến hành làm thủ tục nghiệm thu trước khi nhập kho đối với những nguyên vật liệu có giá trị nhỏ hay có số lượng lớn, nhiều chủng loại, kích cỡ như bulông, ốc vít, đinh... Như vậy, sẽ dễ nhầm lẫn, không đánh giá và kiểm soát được chính xác về chất lượng, quy cách, chủng loại, mẫu mã, số lượng nguyên vật liệu thực nhập kho so với đơn mua hàng.

Tuy những nguyên vật có kích cỡ hay giá trị nhỏ nhưng góp phần không nhỏ trong việc cấu thành nên hình thái và giá trị sản phẩm. Để đảm bảo quá trình sản xuất được liên tục, không bị gián đoạn cũng như sản phẩm sản xuất ra đúng

theo yêu cầu về chất lượng, số lượng, cũng như chủng loại, mẫu mã. Theo em, công ty không chỉ tiến hành kiểm tra, giám sát nguyên vật liệu nhập kho với giá trị lớn mà cũng phải tiến hành kiểm tra, giám sát đối với những nguyên vật liệu nhập kho có giá trị nhỏ hay có số lượng lớn, nhiều chủng loại, kích cỡ.

3.2.2.7. Hoàn thiện công tác kiểm kê vật tư tại công ty

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty. Hiện nay, Công ty đã tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu 2 lần trong năm tại thời điểm 30/6 và 31/12. Thời gian tổ chức kiểm kê như vậy sẽ không đánh giá được kịp thời, chính xác số lượng, giá trị cũng như phẩm chất nguyên vật liệu tồn kho, khó tìm ra nguyên nhân, quy trách nhiệm cho đúng đối tượng, có thể gây gián đoạn, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất.

Với những nhận định trên, theo em công ty nên tiến hành tổ chức công tác kiểm kê nguyên vật liệu nói riêng và vật tư nói chung là sẽ tiến hành kiểm kê 4 lần trong năm vào thời điểm cuối mỗi quý. Tiến hành kiểm kê như vậy, sẽ đánh giá được kịp thời, chính xác nếu xảy ra hỏng hóc, mất mát, chênh lệch giữa sổ sách và thực tế. Ngoài ra cũng kiểm tra, đánh giá được phẩm chất, tình trạng nguyên vật liệu có đúng với tiêu chuẩn, yêu cầu cho phục vụ sản xuất, nếu nguyên vật liệu bị biến dạng, kém chất lượng sẽ kịp thời có những giải pháp bổ sung, thay thế để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục, chất lượng sản phẩm làm ra đúng tiêu chuẩn.

Công ty có thể sử dụng mẫu biên bản kiểm như sau:

Biểu số 3.3**Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn****Số 129 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, Hải Phòng****BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU**

- Thời điểm kiểm kê.....giờ.....ngày.....tháng.....năm...

- Ban kiểm kê gồm:

Ông/ bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Trưởng ban

Ông/ bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

Ông/ bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây

Kết quả kiểm kê như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tồn kho trên sổ sách		Tồn kho thực tế		Thừa		Thiếu		Phân loại phẩm chất		
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	Còn tốt	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
	Cộng													

Ngày tháng năm

Giám Đốc
(Đã Ký)**Kế toán trưởng**
(Đã Ký)**Thủ kho**
(Đã Ký)

3.2.2.8. Một số ý kiến khác nhằm hoàn thiện kế toán NVL với việc nâng cao hiệu quả sử dụng kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn

Nguyên vật liệu là một yếu tố không thể thiếu được trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy, điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho công ty thì phải quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu.

- Để quá trình sản xuất kinh doanh được liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì công ty phải xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu ở mức hợp lý. Do vậy, công ty phải xây dựng định mức tồn kho cho từng danh điểm nguyên vật liệu. Tránh dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó. Định mức tồn kho của nguyên vật liệu còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua nguyên vật liệu.

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quá trình luân chuyển của nguyên vật liệu được sử dụng qua 3 giai đoạn:

- + Giai đoạn thu mua nguyên vật liệu;
- + Giai đoạn dự trữ và bảo quản trong kho;
- + Giai đoạn xuất kho sử dụng cho hoạt động sản xuất.

Vì vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu cần được kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong toàn bộ trong quá trình luân chuyển của chúng nhằm đảm bảo và sử dụng hiệu quả vốn lưu động dự trữ của công ty, đảm bảo cung ứng đầy đủ và không gián đoạn trong quá trình sản xuất. Công tác quản lý nguyên vật liệu trong các giai đoạn có thể thực hiện như sau:

+ Trên cơ sở yêu cầu sản xuất của công ty đặt ra, phòng vật tư sẽ tiến hành thu mua nguyên vật liệu cần đảm bảo chấp hành tốt về định mức nguyên vật liệu, đơn giá cũng như chất lượng của nguyên vật liệu.

+ Từ khi xuất kho đến khi được đưa vào sản xuất nguyên vật liệu cần được bảo quản tránh thất thoát, hỏng hóc. Liên tục đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất, vì trình độ, tay nghề của người sản xuất có ảnh hưởng đến việc sử dụng nguyên vật liệu có đúng định mức hay tiết kiệm hơn so với định mức hay không. Đồng thời, hệ thống máy móc cũng phải luôn được bảo trì,

duy tu và thay mới khi cần thiết để giảm mức hao tổn nguyên vật liệu do máy móc.

+ Bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc, công ty cần có kế hoạch thăm dò, tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, có nhiều sự lựa chọn trong công tác thu mua, tránh tình trạng mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi có sự khan hiếm hoặc thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Hiện nay, tại công ty công tác phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu nhìn chung chưa được quan tâm và thực hiện. Để tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu thì công ty có thể thực hiện việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu. Ví dụ như, để đánh giá chung tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu, ta có thể sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu:

$$\text{Hiệu suất sử dụng NVL} = \frac{\text{Giá trị sản lượng}}{\text{Chi phí nguyên vật liệu}}$$

Hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu biểu hiện một đồng nguyên vật liệu tham gia vào sản xuất trong kỳ đem lại bao nhiêu đồng giá trị sản lượng. Hiệu suất này càng cao, chứng tỏ chất lượng công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu càng tốt.

Dựa trên cơ sở phân tích một cách khoa học tình hình sử dụng nguyên vật liệu, ta có thể đưa ra những phương hướng và biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu sẽ hạn chế được hao hụt, mất mát, chống lãng phí và góp phần làm giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho công ty.

KẾT LUẬN

Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Hoàng Tuấn là một doanh nghiệp thương mại nguyên vật liệu trong xây dựng và thực hiện cả thi công lĩnh vực xây lắp. Vì thế, nguyên vật liệu có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Công ty, bởi chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất, kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến công tác kế toán nói chung và công tác quản lý cũng như phương pháp kế toán nguyên vật liệu nói riêng nhằm đem lại kết quả sản xuất kinh doanh cao cho Công ty. Có thể nói đây là nhiệm vụ được nhiều phòng ban trong Công ty cùng đảm nhiệm chứ không phải của riêng Phòng Kế toán tài vụ.

Xuất phát từ những nhận thức rất đúng đắn và kịp thời như vậy nên kết quả kinh doanh của Công ty không ngừng gia tăng qua các năm. Kết quả đó đã chứng tỏ hướng đi mà Công ty lựa chọn là đúng đắn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý và kế toán nguyên vật liệu tại Công ty vẫn còn một số tồn tại mà Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu để khắc phục trong thời gian tới.

Khóa luận tốt nghiệp đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 6 năm 2019 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Tuấn, bài khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, biện pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật tại công ty.

Sau một thời gian thực tập, được tìm hiểu thực tế hoạt động kế toán doanh nghiệp nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty, em đã mạnh

dạn đề xuất một số ý kiến, hy vọng có thể góp một phần nhỏ trong quá trình hoàn thiện hạch toán nguyên vật liệu của Công ty. Song do kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp, nhận xét của thầy giáo hướng dẫn và các cán bộ kế toán phòng Kế toán tài vụ Công ty. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn giáo viên cùng tập thể cán bộ phòng Kế toán đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, *Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*, Hà Nội.
2. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2012), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB. Tài chính.
3. Nguyễn Phú Giang (2013), *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, NXB. Tài chính Hà Nội.
4. PGS.TS. Võ Văn Nhị (2014), *Kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính.
5. Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn (2017), *Báo cáo tài chính, các sổ sách kế toán năm 2017*.
6. Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn (2018), *Báo cáo tài chính, các sổ sách kế toán năm 2018*.
7. Công ty TNHH TM DV Hoàng Tuấn (2019), *Báo cáo tài chính, các sổ sách kế toán năm 2019*.